



Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2021	Định hướng đến năm 2030	
I	Quận hiện hữu			
1	Ba Đình	Quận	Quận	
2	Hoàn Kiếm	Quận	Quận	
3	Đống Đa	Quận	Quận	
4	Hai Bà Trưng	Quận	Quận	
5	Tây Hồ	Quận	Quận	
6	Cầu Giấy	Quận	Quận	
7	Hoàng Mai	Quận	Quận	
8	Thanh Xuân	Quận	Quận	
9	Nam Từ Liêm	Quận	Quận	
10	Bắc Từ Liêm	Quận	Quận	
11	Long Biên	Quận	Quận	
12	Hà Đông	Quận	Quận	
II	Quận/thành phố dự kiến thành lập			
1	Gia Lâm	Huyện (có thị trấn Trâu Quỳ, Yên Viên: chưa phân loại)	Quận	
2	Hoài Đức	Huyện (có thị trấn Tràm Trôi: chưa phân loại)	Quận	
3	Thanh Trì	Huyện (có thị trấn Thanh Trì: chưa phân loại)	Quận	
4	Đông Anh	Huyện (có thị trấn Đông Anh: chưa phân loại)	Quận	
5	Đan Phượng	Huyện (có thị trấn Phùng: chưa phân loại)	Quận/thành phố, đô thị	

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2021	Định hướng đến năm 2030	
6	Mê Linh	Huyện (có thị trấn Chi Đông, Quang Minh: chưa phân loại)	Quận/thành phố, đô thị	
III	Thành phố/thị xã dự kiến thành lập			
1	Đô thị Sóc Sơn	Huyện (có thị trấn Sóc Sơn: chưa phân loại)	IV	Đô thị Sóc Sơn: Dự kiến các xã và thị trấn thuộc huyện Sóc Sơn
2	Đô thị Hòa Lạc	Huyện: Thạch Thất, Quốc Oai	II	Đô thị Hòa Lạc: Dự kiến khu vực các xã huyện Quốc Oai và các xã thuộc huyện Thạch Thất
3	Đô thị Xuân Mai	Huyện (có thị trấn Xuân Mai: chưa phân loại)	IV	Đô thị Xuân Mai: Dự kiến mở rộng thị trấn Xuân Mai và các xã thuộc huyện Chương Mỹ
4	Đô thị Sơn Tây	Thị xã: loại III	Thành phố: III/II	Đô thị Sơn Tây: Dự kiến khu vực các phường và một số xã thuộc thị xã Sơn Tây
5	Đô thị Phú Xuyên	Huyện: Thường Tín, Phú Xuyên (có thị trấn Phú Xuyên, Phú Minh: chưa phân loại)	IV/III	Đô thị Phú Xuyên: Dự kiến khu vực các xã huyện Thường Tín và các xã, thị trấn thuộc huyện Phú Xuyên
IV	Đô thị dự kiến thành lập, thị trấn			
1	Đô thị Chúc Sơn	Thị trấn Chúc Sơn (chưa phân loại)	IV	Dự kiến mở rộng, nâng cấp thị trấn Chúc Sơn
2	Đô thị Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai (chưa phân loại)	IV	Dự kiến mở rộng, nâng cấp thị trấn Quốc Oai
3	Đô thị Phúc Thọ	Thị trấn Phúc Thọ (chưa phân loại)	V/IV	Dự kiến mở rộng, nâng cấp thị trấn Phúc Thọ

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2021	Định hướng đến năm 2030	
4	Thị trấn Tây Đằng	Chưa phân loại	V	
5	Đô thị Tân Viên Sơn	-	V	Dự kiến thành lập đô thị mới Tân Viên Sơn
6	Thị trấn Liên Quan	Chưa phân loại	V	Dự kiến mở rộng thị trấn Liên Quan
7	Thị trấn Thường Tín	Chưa phân loại	V	Dự kiến mở rộng thị trấn Thường Tín
8	Thị trấn Kim Bài	Chưa phân loại	V	Dự kiến mở rộng, nâng cấp thị trấn Kim Bài
9	Thị trấn Vân Đình	Chưa phân loại	V	Dự kiến mở rộng, nâng cấp thị trấn Vân Đình

Ghi chú:

- Các huyện sẽ được nâng cấp lên quận/thành phố/thị xã khi đủ điều kiện về hạ tầng đô thị, kinh tế - xã hội và nhu cầu phát triển đô thị của địa phương (mô hình tổ chức hành chính đô thị phù hợp với quy định của pháp luật và trên cơ sở quy hoạch chung Thành phố được duyệt). Trước mắt, xây dựng mô hình thành phố trong Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây (vùng Hòa Lạc, Xuân Mai), khi đủ điều kiện sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền đề nâng cấp thành thành phố. Nghiên cứu, hình thành thành phố tại khu vực Sơn Tây, Ba Vì và thành phố phía Nam tại khu vực Phú Xuyên, Thường Tín khi đủ điều kiện;

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật;

- Các đô thị có mở rộng, sáp nhập đơn vị hành chính thì tên gọi, ranh giới thực hiện theo phương án sắp xếp được duyệt;

- Ranh giới, diện tích của từng đô thị phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt.



Phụ lục II

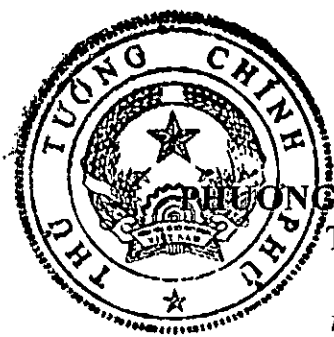
**PHƯƠNG ÁN KHU CÔNG NGHỆ CAO, KHU NÔNG NGHIỆP
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
THỦ ĐỘ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg

ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghệ cao và khu công nghệ thông tin (CNTT)	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Khu công nghệ cao		2.245,03
1	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Huyện Quốc Oai và Thạch Thất	2.046
2	Khu công nghệ cao Sinh học Hà Nội	Quận Bắc Từ Liêm	199,03
II	Khu công nghệ thông tin		68,17
1	Khu công viên CNTT Hà Nội	Quận Long Biên	36,07
2	Khu CNTT tập trung Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	Quận Long Biên	32,1
III	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		566,6
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mai Lâm	Huyện Đông Anh	96,6
2	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Nông trường dừa Suối Hai	Huyện Ba Vì	90
3	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Kim Sơn	Thị xã Sơn Tây	80
4	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái.	Huyện Thanh Oai	300

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP THỦ ĐÔ HÀ NỘI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)		Ghi chú
			Diện tích quy hoạch đã được phê duyệt	Nhu cầu diện tích tăng thêm của thành phố	
I	Các Khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt		2.203,08	37,2	
1	KCN Thăng Long	Huyện Đông Anh	274,3	-	
2	KCN Nội Bài	Huyện Sóc Sơn	114	-	
3	KCN Sài Đồng B*	Quận Long Biên	40	-	
4	KCN Nam Thăng Long	Quận Bắc Từ Liêm	31,5	-	
5	KCN Quang Minh I và mở rộng	Huyện Mê Linh	407,9	-	
6	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	Huyện Quốc Oai và huyện Thạch Thất	150,78	-	
7	KCN Phú Nghĩa	Huyện Chương Mỹ	170,1	-	
8	KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I	Huyện Phú Xuyên	76,9	-	
9	KCN Quang Minh II	Huyện Mê Linh	160	-	
10	KCN sạch Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	302,8	37,2	
11	KCN Đông Anh	Huyện Đông Anh	300	-	
12	KCN Phụng Hiệp	Huyện Thường Tín	174,8	-	
II	Các khu công nghiệp đã có trong quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020, tiếp tục quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 (06 KCN)		962,9	1.116,1	
1	KCN Bắc Thường Tín	Huyện Thường Tín	112	-	

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)		Ghi chú
			Diện tích quy hoạch đã được phê duyệt	Nhu cầu diện tích tăng thêm của thành phố	
2	KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn II	Huyện Phú Xuyên	263	100	
3	KCN Tiến Thắng	Huyện Mê Linh	287,9	162,1	
4	KCN Phú Nghĩa II	Huyện Chương Mỹ	100	289	
5	KCN Khu Cháy	Huyện Ứng Hoà	100	450	
6	KCN Bắc Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	100	115	
III	Các khu công nghiệp tiềm năng, quy hoạch mới giai đoạn 2021 - 2030 (05 KCN)		-	1.557	
1	KCN Phụng Hiệp mở rộng	Huyện Thường Tín	-	87	
2	KCN Thanh Văn - Tân Ước	Huyện Thanh Oai	-	400	
3	KCN Xuân Dương	Huyện Thanh Oai	-	350	
4	KCN Ba Vì	Huyện Ba Vì	-	310	
5	KCN Phù Đồng	Huyện Gia Lâm	-	370	
	Tổng cộng I+II+III		3.165,98	2.670,3	

Ghi chú:

- Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm đúng chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- * Diện tích chính xác được xác định theo thực tế. Dự án Cảng cạn Long Biên (diện tích 12ha) thực hiện theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các khu công nghiệp tiềm năng, dự kiến thành lập mới hoặc mở rộng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm điều kiện về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được phân bổ thì Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.



Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP
THỊ PHỐ HÀ NỘI THỜI KỲ 2011 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Nhu cầu diện tích tăng thêm (ha)
I	Các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập, tiếp tục mở rộng: 32 cụm công nghiệp			
1	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Túc	Phú Xuyên	6	9
2	Cụm công nghiệp làng nghề Đại Thắng	Phú Xuyên	8	25
3	Cụm công nghiệp làng nghề Phú Yên	Phú Xuyên	10	14
4	Cụm công nghiệp Văn Hoàng	Phú Xuyên	12	5
5	Cụm công nghiệp Sơn Hà	Phú Xuyên	5	15
6	Cụm công nghiệp Phượng Dực	Phú Xuyên	7	67
7	Cụm công nghiệp Văn Tự	Thường Tín	8	7
8	Cụm công nghiệp Tiên Phong	Thường Tín	16	22
9	Cụm công nghiệp Thắng Lợi	Thường Tín	9	63
10	Cụm công nghiệp Thanh Thủy	Thanh Oai	12	38
11	Cụm công nghiệp Hồng Dương	Thanh Oai	11	29
12	Cụm công nghiệp Phương Trung	Thanh Oai	10	30
13	Cụm công nghiệp Đông Sơn	Chương Mỹ	5	60

14	Cụm công nghiệp Cầu Bàu	Ứng Hòa	8	57
15	Cụm công nghiệp Xà Cầu	Ứng Hòa	10	65
16	Cụm công nghiệp Ngọc Mỹ - Thạch Thán	Quốc Oai	21	20
17	Cụm công nghiệp Tân Hòa	Quốc Oai	13	32
18	Cụm công nghiệp Dị Nậu	Thạch Thất	10	24
19	Cụm công nghiệp Tam Hiệp	Phúc Thọ	21	49
20	Cụm công nghiệp Liên Hiệp	Phúc Thọ	20	45
21	Cụm công nghiệp Tích Giang	Phúc Thọ	9	23
22	Cụm công nghiệp Long Xuyên	Phúc Thọ	6	9
23	Cụm công nghiệp Đan Phượng	Đan Phượng	31	13
24	Cụm công nghiệp Tân Lĩnh	Ba Vì	5	20
25	Cụm công nghiệp Cam Thượng	Ba Vì	16	14
26	Cụm công nghiệp Đồng Giai	Ba Vì	20	40
27	Cụm công nghiệp Phú Thị	Gia Lâm	52	18
28	Cụm công nghiệp Đình Xuyên	Gia Lâm	8	43
29	Cụm công nghiệp Liên Hà 2	Đông Anh	22	53
30	Cụm công nghiệp Dục Tú	Đông Anh	15	19
31	Cụm công nghiệp Thiết Bình	Đông Anh	21	25
32	Cụm công nghiệp Thụy Lâm	Đông Anh	17	8
II	Cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch được chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2030: 39 cụm công nghiệp			
1	Cụm công nghiệp Hồng Minh	Phú Xuyên	5	49
2	Cụm công nghiệp Tri Trung	Phú Xuyên	5	55

3	Cụm công nghiệp Dũng Tiến	Thường Tín	5	26
4	Cụm công nghiệp Hòa Bình	Thường Tín	7	23
5	Cụm công nghiệp Lê Lợi	Thường Tín	5	12
6	Cụm công nghiệp Văn Bình	Thường Tín	5	14
7	Cụm công nghiệp Nguyễn Trãi	Thường Tín	5	19
8	Cụm công nghiệp Hiền Giang	Thường Tín	10	56
9	Cụm công nghiệp Chương Dương	Thường Tín	5	15
10	Cụm công nghiệp Nghiêm Xuyên	Thường Tín	5	31
11	Cụm công nghiệp Tín An	Thường Tín	68	-
12	Cụm công nghiệp Dân Hòa - Cao Dương	Thanh Oai	10	29
13	Cụm công nghiệp Vạn Phúc	Thanh Trì	6	15
14	Cụm công nghiệp Đa Sỹ	Hà Đông	13	-
15	Cụm công nghiệp Đại Yên - Hợp Đồng	Chương Mỹ	5	25
16	Cụm công nghiệp Hòa Chính	Chương Mỹ	8	12
17	Cụm công nghiệp Thụy Hương	Chương Mỹ	8	7
18	Cụm công nghiệp Đồng Tân	Ứng Hòa	10	15
19	Cụm công nghiệp Trường Thịnh	Ứng Hòa	10	15
20	Cụm công nghiệp Minh Đức	Ứng Hòa	10	65
21	Cụm công nghiệp Hoa Sơn	Ứng Hòa	10	15
22	Cụm công nghiệp Hòa Xá	Ứng Hòa	7	23
23	Cụm công nghiệp Phù Lưu	Ứng Hòa	68	-
24	Cụm công nghiệp Phùng Xá	Mỹ Đức	10	40

25	Cụm công nghiệp Đại Nghĩa	Mỹ Đức	30	30
26	Cụm công nghiệp Minh Khai	Hoài Đức	12	4
27	Cụm công nghiệp Cát Quế	Hoài Đức	10	6
28	Cụm công nghiệp Liệp Tuyết	Quốc Oai	35	-
29	Cụm công nghiệp Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	20	25
30	Cụm công nghiệp Đông Yên	Quốc Oai	35	37
31	Cụm công nghiệp Hương Ngải	Thạch Thất	10	10
32	Cụm công nghiệp Thạch Xá	Thạch Thất	10	10
33	Cụm công nghiệp Võng Xuyên 2	Phúc Thọ	5	29
34	Cụm công nghiệp Hát Môn	Phúc Thọ	10	24
35	Cụm công nghiệp Sen Chiêu	Phúc Thọ	15	-
36	Cụm công nghiệp Phương Đình	Đan Phượng	8	42
37	Cụm công nghiệp Cổ Đông	Sơn Tây	75	-
38	Cụm công nghiệp Lai Sơn 1	Sóc Sơn	15	-
39	Cụm công nghiệp Lâm Giang	Gia Lâm	27	-
III	Các cụm công nghiệp tiềm năng, quy hoạch mới: 54 cụm			
1	Cụm công nghiệp Tân Dân	Phú Xuyên	-	16
2	Cụm công nghiệp Thượng Yên tại xã Phú Yên	Phú Xuyên	-	39
3	Cụm công nghiệp Phú Xuyên	Phú Xuyên	-	75
4	Cụm công nghiệp Châu Can	Phú Xuyên	-	21
5	Cụm công nghiệp Phú Túc 2	Phú Xuyên	-	39
6	Cụm công nghiệp tại thôn Trung, xã Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	-	38
7	Cụm công nghiệp Đại Nghiệp, xã Tân Dân	Phú Xuyên	-	42
8	Cụm công nghiệp Quang Trung	Phú Xuyên	-	56
9	Cụm công nghiệp tại thôn Chính, xã Vân Từ	Phú Xuyên	-	42

10	Cụm công nghiệp Hồng Minh - Tri Trung	Phú Xuyên	-	30
11	Cụm công nghiệp Nhất Hiệu	Thường Tín	-	34
12	Cụm công nghiệp Thống Nhất	Thường Tín	-	65
13	Cụm công nghiệp Hiền Giang 2	Thường Tín	-	25
14	Cụm công nghiệp Hồng Phong	Thường Tín	-	72
15	Cụm công nghiệp Liễu Hà	Thường Tín	-	30
16	Cụm công nghiệp Văn Ninh	Thường Tín	-	45
17	Cụm công nghiệp Lê Chương	Thường Tín	-	73
18	Cụm công nghiệp Nhị Công	Thường Tín	-	50
19	Cụm công nghiệp Phụng Châu 2	Chương Mỹ	-	25
20	Cụm công nghiệp An Ninh	Ứng Hoà	-	30
21	Cụm công nghiệp Đồng Tâm	Mỹ Đức	-	60
22	Cụm công nghiệp Đông Lao	Hoài Đức	-	26
23	Cụm công nghiệp Phùng Xá	Thạch Thất	-	63
24	Cụm công nghiệp Cấn Kiệm	Thạch Thất	-	45
25	Cụm công nghiệp Lại Thượng	Thạch Thất	-	25
26	Cụm công nghiệp Canh Nậu 1	Thạch Thất	-	60
27	Cụm công nghiệp Tam Hiệp 2	Phúc Thọ	-	47
28	Cụm công nghiệp Liên Hiệp 2	Phúc Thọ	-	38
29	Cụm công nghiệp Đan Phượng 2	Đan Phượng	-	72
30	Cụm công nghiệp Thọ Xuân	Đan Phượng	-	27
31	Cụm công nghiệp Minh Phú 1	Sóc Sơn	-	65
32	Cụm công nghiệp Minh Phú 2	Sóc Sơn	-	75
33	Cụm công nghiệp Hiền Ninh	Sóc Sơn	-	58
34	Cụm công nghiệp Thanh Xuân - Tân Dân	Sóc Sơn	-	72
35	Cụm công nghiệp Minh Trí	Sóc Sơn	-	70
36	Cụm công nghiệp Minh Phú - Minh Trí	Sóc Sơn	-	75
37	Cụm công nghiệp Lệ Chi	Gia Lâm	-	19
38	Cụm công nghiệp Dương Xá	Gia Lâm	-	38
39	Cụm công nghiệp Dương Quang	Gia Lâm	-	45
40	Cụm công nghiệp Kim Sơn	Gia Lâm	-	72

41	Cụm công nghiệp Đầm Tiên - Độc Trà	Gia Lâm	-	32
42	Cụm công nghiệp tại thôn Thượng xã Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	-	25
43	Cụm công nghiệp Phú Xuyên 2	Phú Xuyên	-	58
44	Cụm công nghiệp Phương Dục 2	Phú Xuyên	-	71
45	Cụm công nghiệp Phúc Khánh	Thường Tín	-	70
46	Cụm công nghiệp Phú Vân	Thường Tín	-	73
47	Cụm công nghiệp Phúc Lâm	Mỹ Đức	-	55
48	Cụm công nghiệp Phù Lưu Tế - Xuy Xá	Mỹ Đức	-	70
49	Cụm công nghiệp Vạn Kim - Đốc Tín	Mỹ Đức	-	50
50	Cụm công nghiệp Lê Thanh	Mỹ Đức	-	70
51	Cụm công nghiệp Canh Nậu 2	Thạch Thất	-	35
52	Cụm công nghiệp Tam Hiệp - Hiệp Thuận	Phúc Thọ	-	58
53	Cụm công nghiệp Sơn Đông 2	Sơn Tây	-	50
54	Cụm công nghiệp Kim Lan	Gia Lâm	-	20

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chỉ tiêu phân bổ đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài danh mục nêu trên, theo nhu cầu thực tế, có thể điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định của pháp luật.



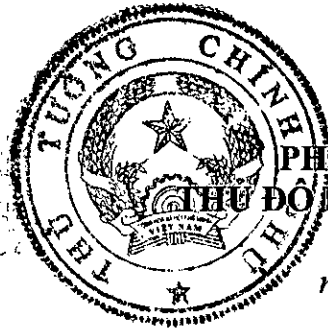
Phụ lục V
PHƯƠNG AN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH THỦ ĐÔ HÀ NỘI
THỜI KỲ 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu du lịch	Địa điểm dự kiến
I	Khu du lịch cấp quốc gia	
1	Khu du lịch Ba Vì	Huyện Ba Vì
2	Khu du lịch Di tích thắng cảnh Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức
3	Khu du lịch khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm
4	Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và hồ Đồng Mô	Thị xã Sơn Tây
II	Khu du lịch cấp thành phố	
5	Khu dịch vụ - du lịch tổng hợp: sinh thái, văn hóa, thể thao, sân golf, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí...	Các quận, huyện, thị xã
6	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Vân Trì	Huyện Đông Anh
7	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp khu vực hồ Văn Sơn	Huyện Chương Mỹ
8	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp khu vực hồ Đồng Suong	Huyện Chương Mỹ
9	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Lai Cách	Huyện Sóc Sơn
10	Khu du lịch và giải trí	Huyện Quốc Oai
11	Khu du lịch nghỉ dưỡng An Phú	Huyện Mỹ Đức
12	Khu du lịch sinh thái hồ Quan Sơn - Tuy Lai	Huyện Mỹ Đức
13	Khu du lịch hồ Suối Hai	Huyện Ba Vì
14	Tổ hợp Khu du lịch sinh thái, văn hóa và vui chơi giải trí	Huyện Sóc Sơn
15	Khu du lịch hồ Tây và phụ cận	Quận Tây Hồ

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với các khu du lịch có bao gồm sân golf, khi triển khai thực hiện các dự án cụ thể trên cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
I	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.			
II	Cao tốc đô thị			
1	Nâng cấp, cải tạo			
	Nội Bài - Nhật Tân	Cầu Nhật Tân	Cao tốc Nội Bài - Hạ Long	06 làn xe
2	Xây dựng mới			
	Cao tốc phía Nam	Vành đai 4, Hà Nội	Cảng hàng không thứ 2 vùng Thủ đô	06 làn xe

B. MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH

TT	Tuyến	Điểm đầu (trên địa phận thành phố Hà Nội)	Điểm cuối (trên địa phận thành phố Hà Nội)	Quy mô tối thiểu (cấp/làn xe)
I	Các tuyến nâng cấp, cải tạo			
1	ĐT.405 (Trục kinh tế Bắc - Nam)	Phúc Thọ	Phú Xuyên	III, 6 làn xe
2	ĐT.408	Mê Linh	Mê Linh	III, 4 làn xe
3	ĐT.408B	Mê Linh	Mê Linh	III, 4 làn xe
4	ĐT.408C	Sóc Sơn	Sóc Sơn	III, 2 làn xe
5	ĐT.410	Sóc Sơn	Sóc Sơn	III, 2 làn xe
6	ĐT.410B	Sóc Sơn	Sóc Sơn	III, 2 làn xe
7	ĐT.410C	Sóc Sơn	Sóc Sơn	III, 2 làn xe
8	ĐT.410D	Sóc Sơn	Sóc Sơn	III, 2 làn xe
9	ĐT.410E	Sóc Sơn	Sóc Sơn	III, 2 làn xe
10	ĐT.411	Ba Vì	Ba Vì	III, 4 làn xe

TT	Tuyến	Điểm đầu (trên địa phận thành phố Hà Nội)	Điểm cuối (trên địa phận thành phố Hà Nội)	Quy mô tối thiểu (cấp/lần xe)
11	ĐT.411B	Ba Vì	Ba Vì	III, 2 lần xe
12	ĐT.411C	Ba Vì	Ba Vì	III, 4 lần xe
13	ĐT.412	Ba Vì	Ba Vì	III, 4 lần xe
14	ĐT.412B	Ba Vì	Ba Vì	III, 4 lần xe
15	ĐT.413	Ba Vì	Sơn Tây	III, 4 lần xe
16	ĐT.414	Sơn Tây	Ba Vì	III, 4 lần xe
17	ĐT.414B	Ba Vì	Sơn Tây	III, 4 lần xe
18	ĐT.415	Ba Vì	Ba Vì	III, 4 lần xe
19	ĐT.416	Ba Vì	Phúc Thọ	III, 4 lần xe
20	ĐT.417	Sơn Tây	Đan Phượng	III, 4 lần xe
21	ĐT.418	Sơn Tây	Phúc Thọ	III, 4 lần xe
22	ĐT.419	Phúc Thọ	Mỹ Đức	III, 4 lần xe
23	ĐT.420	Thạch Thất	Phúc Thọ	III, 4 lần xe
24	ĐT.421	Quốc Oai	Phúc Thọ	III, 2 lần xe
25	ĐT.422	Đan Phượng	Quốc Oai	III, 4 lần xe
26	ĐT.422B	Hoài Đức	Hoài Đức	III, 2 lần xe
27	ĐT.423	Hoài Đức	Hà Đông	III, 4 lần xe
28	ĐT.424	Mỹ Đức	Ứng Hòa	III, 4 lần xe
29	ĐT.425	Ứng Hoà	Mỹ Đức	III, 2 lần xe
30	ĐT.426	Ứng Hòa	Ứng Hòa	III, 4 lần xe
31	ĐT.427	Thường Tín	Chương Mỹ	III, 4 lần xe
32	ĐT.428	Ứng Hòa	Phú Xuyên	III, 4 lần xe

TT	Tuyến	Điểm đầu (trên địa phận thành phố Hà Nội)	Điểm cuối (trên địa phận thành phố Hà Nội)	Quy mô tối thiểu (cấp/làn xe)
33	ĐT.428B	Phú Xuyên	Phú Xuyên	III, 4 làn xe
34	ĐT.429	Chương Mỹ	Thường Tín	III, 4 làn xe
35	ĐT.429B	Ứng Hòa	Mỹ Đức	III, 4 làn xe
36	ĐT.429C	Ứng Hòa	Ứng Hòa	III, 4 làn xe
37	ĐT.429D	Mỹ Đức	Thường Tín	III, 4 làn xe
38	ĐT.446	Thạch Thất	Quốc Oai	III, 4 làn xe
II Các tuyến xây mới và kéo dài				
1	ĐT.401 (Trục Tây Thăng Long đoạn từ Vành đai 4 tới Sơn Tây)	Đan Phượng	Sơn Tây	III, 6 làn xe
2	ĐT.402 (Trục Hồ Tây - Ba Vì đoạn từ Vành đai 4 tới Hòa Lạc)	Hoài Đức	Ba Vì	III, 6 làn xe
3	ĐT.403 (Trục Hà Đông - Xuân Mai đoạn từ Vành đai 4 tới Xuân Mai)	Thanh Oai	Chương Mỹ	III, 6 làn xe
4	ĐT.404 (Trục Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn từ Vành đai 4 tới Phú Xuyên)	Thường Tín	Phú Xuyên	III, 6 làn xe
5	ĐT.407 (Trục Đỗ Xá - Quan Sơn)	Mỹ Đức	Phú Xuyên	III, 6 làn xe
6	ĐT.409 (Đường trục Chúc Sơn - Miếu Môn - Hương Sơn)	Chương Mỹ	Mỹ Đức	III, 4 làn xe
7	ĐT.419B (Đường Lê Văn Lương kéo dài)	Hà Đông	Quốc Oai	III, 8 làn xe

Ghi chú:

- Quy mô quy hoạch các tuyến đường tỉnh là quy mô tối thiểu, trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án sẽ xác định quy mô tuyến đường theo nhu cầu vận tải và phân kỳ đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, hiệu quả đầu tư.

- Tên, số hiệu đường tỉnh, dự kiến phạm vi (điểm đầu, điểm cuối), vị trí, hướng tuyến và quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Đối với mạng lưới đường đô thị sẽ được nghiên cứu thực hiện trong các quy hoạch chi tiết khác được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

C. HỆ THỐNG BẾN XE

TT	Bến xe	Vị trí	Cấp hạng
I	Bến xe hiện có		
	Bến xe khách		
1	Bến xe Giáp Bát	Quận Hoàng Mai	Loại 1
2	Bến xe Gia Lâm	Quận Long Biên	Loại 2
3	Bến xe Mỹ Đình	Quận Nam Từ Liêm	Loại 1
4	Bến xe Yên Nghĩa	Quận Hà Đông	Loại 1
5	Bến xe Nước Ngầm	Quận Hoàng Mai	Loại 1
6	Bến xe Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	Loại 4
II	Quy hoạch bến xe mới		
A	Bến xe khách		
1	Bến xe khách liên tỉnh phía Đông Bắc	Vị trí giao giữa quốc lộ 1A với quốc lộ 5, huyện Gia Lâm	
2	Bến xe khách Đông Anh	Bố trí tại khu vực gần nút giao thông giữa vành đai đô thị và quốc lộ 3	
3	Bến xe liên tỉnh phía Bắc	Khu vực sân bay Nội Bài	
4	Bến xe khách Yên Sở	Quận Hoàng Mai	
5	Bến xe khách phía Nam (Ngọc Hồi)	Ga Ngọc Hồi	
6	Bến xe khách phía Nam (Pháp Vân - Cầu Giẽ)	Nằm sát quốc lộ 1A mới	
7	Bến xe khách liên tỉnh phía Tây	Huyện Quốc Oai	
8	Bến xe khách liên tỉnh Phùng	Vị trí giao giữa QL32 và đường vành đai IV	
9	Bến xe khách ga Phú Xuyên	Gần ga Phú Xuyên	
10	Bến xe khách Xuân Mai	Gần nút giao QL6 và QL21A tại thị trấn Xuân Mai	
11	Bến xe khách Nam Hòa Lạc	Phía Nam đô thị Hòa Lạc	
12	Bến xe Bắc Hòa Lạc	Phía Bắc đô thị Hòa Lạc Khu đại học quốc gia sát QL21A	

TT	Bến xe	Vị trí	Cấp hạng
13	Bến xe Sơn Tây	Phía Đông Nam khu đô thị Sơn Tây sát QL32	
14	Bến xe Sơn Tây 2	Nằm ở phía Tây Bắc khu đô thị Sơn Tây gần cụm công nghiệp Cam Thượng và QL32	
15	Bến xe Nam Sóc Sơn	Phía Nam khu đô thị Sóc Sơn sát QL3	
16	Bến xe Bắc Sóc Sơn	Phía Bắc khu đô thị Sóc Sơn sát QL3	
17	Các bến xe khác	Các quận, huyện, thị xã	
B	Bến xe hàng		
1	Bến xe hàng Trâu Quỳ, Gia Lâm	Gia Lâm	
2	Bến xe hàng Hà Đông, quận Hà Đông	Quận Hà Đông	
3	Bến xe hàng Phù Lỗ, Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	
4	Bến xe hàng Nội Bài	Huyện Sóc Sơn	
5	Bến xe hàng liên tỉnh phía Nam	Huyện Thanh Trì	
6	Bến xe hàng Phùng	Huyện Đan Phượng	
7	Bến xe hàng Khuyến Lương	Quận Hoàng Mai	
8	Bến xe hàng Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	
9	Bến xe hàng Hòa Lạc	Huyện Thạch Thất	
10	Bến xe hàng Xuân Mai	Huyện Chương Mỹ	
11	Bến xe hàng Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	
12	Bến xe hàng Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	
13	Bến xe hàng Yên Viên	Huyện Gia Lâm	
14	Các bến xe hàng khác	Các quận, huyện, thị xã	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án bến xe nêu trên sẽ được xác định cụ thể hóa theo Quy hoạch chung Thủ đô, Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô được duyệt và các yêu cầu cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án khác phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



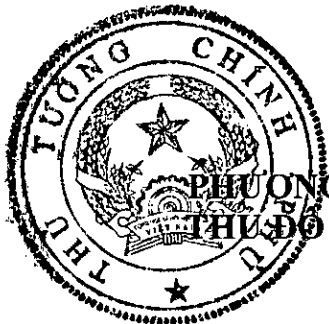
Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Loại đường dự kiến	Ghi chú
A	Tuyến, ga đường sắt quốc gia		
	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch các tuyến, ga đường sắt khu vực đầu mối thành phố Hà Nội được duyệt		
B	Tuyến đường sắt đô thị		
I	Tuyến hiện hữu và đang xây dựng		
1	Tuyến số 2A (đoạn Cát Linh - Hà Đông)		
2	Tuyến số 03 (đoạn Nhón - Ga Hà Nội)		
II	Tuyến xây dựng mới		
1	Tuyến số 01 (Ngọc Hồi - Yên Viên - Lạc Đạo)	Đường đôi	
2	Tuyến số 01A (Ngọc Hồi - Cảng hàng không thứ hai)	Đường đôi	
3	Tuyến số 02 (Nội Bài - Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo - Chợ Mơ - Ngã Tư Sở - Hoàng Quốc Việt và đoạn kéo dài đến Sóc Sơn)	Đường đôi	
4	Tuyến số 2A (đoạn Hà Đông - Xuân Mai)	Đường đôi	
5	Tuyến số 03 (đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai và đoạn Nhón - Sơn Tây)	Đường đôi	
6	Tuyến số 04 (Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà)	Đường đôi	
7	Tuyến số 05 (Văn Cao - Hòa Lạc)	Đường đôi	
8	Tuyến số 06 (Nội Bài - Phú Diễn - Hà Đông - Ngọc Hồi)	Đường đôi	



TT	Tên tuyến	Loại đường dự kiến	Ghi chú
9	Tuyến số 07 (Mê Linh - Dương Nội - Hà Đông)	Đường đôi	
10	Tuyến số 08 (Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá)	Đường đôi	
11	Tuyến số 09 (Mê Linh - Cổ Loa - Dương Xá)	Đường đôi	
12	Tuyến số 10 (Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Yên Nghĩa)	Đường đôi	
13	Tuyến số 11 (Vành đai 2 - Trục phía Nam - Cảng hàng không thứ hai)	Đường đôi	
14	Tuyến số 12 (Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Phú Xuyên)	Đường đôi	
C	Tuyến đường sắt monorail (xây dựng mới)		
1	Tuyến M1 (Liên Hà - Tân Lập - An Khánh)	Đường đôi	
2	Tuyến M2 (Mai Dịch - Mỹ Đình - Văn Mỗ - Phúc La; Phú Lương - Thanh Liệt - Giáp Bát)	Đường đôi	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, phương án xây dựng tuyến, số lượng ga, depot, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể hóa theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô, Điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô được duyệt và các yêu cầu cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục VIII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
THỦ ĐÓNG HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

**A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA VÀ CẢNG, BẾN THỦY
NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**B. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI QUẢN LÝ**

1. Tuyến đường thủy nội địa

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
1	Sông Đáy	V	V
2	Sông Nhuệ	V	V
3	Sông Tích	V	V
4	Sông Cà Lồ	V	V
5	Sông Tô Lịch	V	V
6	Sông Thiếp (Ngũ Huyện Khê)	V	V

2. Cảng, bến thủy nội địa hàng hóa

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất dự kiến (1.000 T/năm)	Ghi chú
I	Các cảng, bến hiện có					
1	Cụm cảng trung tâm Hà Nội		Sông Hồng	1.000 - 3.000	2.400	
	Cảng Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	Sông Hồng		500	
	Cảng Bình đoàn 11	Quận Hoàng Mai	Sông Hồng		200	

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất dự kiến \ (1.000 T/năm)	Ghi chú
	Cảng Khuyến Lương	Quận Hoàng Mai	Sông Hồng		1.700	
2	Cụm cảng Nam Hà Nội		Sông Hồng, Đáy	1.000 - 3.000	2.000	
	Cảng Hồng Vân	Huyện Thường Tín	Sông Hồng		2.000	
3	Cụm cảng Tây Hà Nội		Sông Hồng, Đà	1.000 - 3.000	3.000	
	Cảng Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	Sông Hồng		1.500	
	Cảng Chèm - Liên Mạc	Quận Bắc Từ Liêm	Sông Hồng		1.500	
II Các cảng, bến xây dựng mới						
1	Cụm cảng trung tâm Hà Nội		Sông Hồng	1.000 - 3.000	1.800	
	Cảng Thanh Trì	Quận Hoàng Mai	Sông Hồng		1.200	
	Cảng khác				600	
2	Cụm cảng Bắc Hà Nội		Sông Hồng, Công	1.000 - 3.000	5.000	Nhu cầu đất dự kiến khoảng 19,2 ha
	Cảng Bắc Hà Nội (Nhật Tân)	Huyện Đông Anh	Sông Hồng		1.000	
	Cảng Đa Phúc (Trung Giã)	Huyện Sóc Sơn	Sông Công		800	
	Cảng Hoàng Kim	Huyện Mê Linh	Sông Hồng		1.000	
	Cảng Chu Phan	Huyện Mê Linh	Sông Hồng		800	

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất dự kiến (1.000 T/năm)	Ghi chú
	Cảng khác				1.400	
3	Cụm cảng Nam Hà Nội		Sông Hồng, Đáy	1.000 - 3.000	5.100	
	Cảng Vạn Điểm	Huyện Phú Xuyên và huyện Thường Tín	Sông Hồng		2.000	
	Cảng Gia Lâm (gồm cảng công ty Nam Sơn)	Huyện Gia Lâm	Sông Hồng		1.500	
	Cảng Bát Tràng	Huyện Gia Lâm	Sông Hồng		300	
	Cảng Ba Thá	Huyện Ứng Hoà	Sông Đáy		200	
	Cảng Tế Tiêu - Vân Đình	Huyện Mỹ Đức	Sông Đáy		300	
	Cảng khác				800	
4	Cụm cảng Đông Hà Nội		Sông Đuống	1.000 - 3.000	7.000	
	Cảng Phù Đổng	Huyện Gia Lâm	Sông Đuống		2.500	
	Cảng Mai Lâm	Huyện Đông Anh	Sông Đuống		500	
	Cảng Đức Giang	Quận Long Biên	Sông Đuống		800	
	Cảng Giang Biên	Quận Long Biên	Sông Đuống		1.000	
	Cảng khác				2.200	
5	Cụm cảng Tây Hà Nội		Sông Hồng, Đà	1.000 - 3.000	8.700	
	Cảng bốc xếp vật liệu xây dựng và phân bón Đường Lâm	Thị xã Sơn Tây	sông Hồng		1.000	
	Cảng Hồng Hà (Cảng thủy nội địa + Cảng du	Huyện Đan	Sông Hồng		1.800	

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cơ tàu (Tấn)	Công suất dự kiến (1.000 T/năm)	Ghi chú
	lịch)	Phượng				
	Cảng Thượng Cát (gồm cảng Hoàng Bình)	Quận Bắc Từ Liêm	Sông Hồng		1.700	
	Cảng Ba Vì	Huyện Ba Vì	Sông Hồng		1.000	
	Cảng khác (Cảng Sen Phương, cảng Xuân Đình,...)				3.200	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG CẠN
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cảng/bến	Địa điểm dự kiến
1	Cảng cạn Hoài Đức	Huyện Hoài Đức
2	Cảng cạn Đan Phượng (kết nối đường thủy nội địa qua sông Hồng)	Huyện Đan Phượng
3	Cảng cạn Sóc Sơn (hỗ trợ Cảng hàng không quốc tế Nội Bài)	Huyện Sóc Sơn
4	Cảng cạn Đông Anh	Huyện Đông Anh
5	Cảng cạn Phù Đổng (kết nối đường thủy nội địa qua sông Đuống)	Huyện Gia Lâm
6	Cảng cạn Cổ Bi (kết nối đường thủy nội địa qua sông Đuống)	Huyện Gia Lâm
7	Cảng cạn Long Biên	Quận Long Biên
8	Cảng cạn Giang Biên (kết nối đường thủy nội địa qua sông Đuống)	Quận Long Biên
9	Cảng cạn Hồng Vân (kết nối đường thủy nội địa qua sông Hồng)	Huyện Thường Tín

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cảng cạn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (bao gồm các cảng cạn tiềm năng) phải phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sân bay	Quy mô, cấp sân bay	Địa điểm dự kiến
1	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài	4F	Huyện Sóc Sơn
2	Nghiên cứu Cảng hàng không thứ hai (đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc)	-	Khu vực phía Đông Nam, Nam Thủ đô Hà Nội
3	Sân bay Gia Lâm	Lưỡng dụng	Quận Long Biên
4	Sân bay Hòa Lạc	Lưỡng dụng	Huyện Thạch Thất

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các cảng hàng không, sân bay sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XI
DANH MỤC DỰ KIẾN NGUỒN ĐIỆN VÀ LƯỚI ĐIỆN
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

I. Điện mặt trời mái nhà

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất tăng thêm 2023 - 2030 (MW)
	Thành phố Hà Nội	47

II. Điện rác

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kể 2022 (MW)	Công suất lũy kể 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2022 - 2030 (MW)
	Thành phố Hà Nội	62	190	128

Ghi chú:

- Việc phát triển dự án nguồn điện trên địa bàn Thủ đô Hà Nội bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quy hoạch liên quan và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

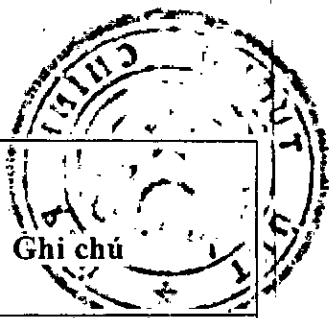
- Đối với các dự án phát triển nguồn điện rác mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sẽ được xác định cụ thể theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công Thương.

B. LƯỚI ĐIỆN 500kV

I. Trạm biến áp 500Kv*

TT	Tên trạm biến áp	Công suất dự kiến 2030 (MVA)	Ghi chú
1	Tây Hà Nội	1.800	Cải tạo
2	Sơn Tây	900	Xây mới
3	Đan Phượng	1.800	Xây mới
4	Nam Hà Nội	900	Xây mới

II. Đường dây 500kV**



TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
1	Tây Hà Nội - Thường Tín	2 x 40	Xây mới, đầu nối TBA 500kV Tây Hà Nội
2	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1 x 75	Xây mới, cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
3	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2 x 3	
4	Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2 x 5	Xây mới, đầu nối trạm 500kV Long Biên
5	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2 x 44	Xây mới
6	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4 x 5	Xây mới, đầu nối trạm 500kV Nam Hà Nội
7	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4 x 5	Xây mới, đầu nối trạm 500kV Đan Phượng
8	Sơn Tây - Đan Phượng	2 x 20	Xây mới, đầu nối trạm 500kV Sơn Tây
9	Trạm cắt 500kV Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2 x 80	Xây mới, giải tỏa công suất TĐ Lào

III. Các công trình khác có liên quan

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

C. LƯỚI ĐIỆN 220kV

I. Trạm biến áp 220kV***

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến 2030 (MVA)	Ghi chú
1	Vân Trì	750	Cải tạo
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo
3	Long Biên	750	Cải tạo, đã hoàn thành
4	Thanh Xuân	750	Xây mới
5	Đại Mỗ (Mỹ Đình)	750	Xây mới
6	Hòa Lạc	500	Xây mới
7	Mê Linh	500	Xây mới
8	Văn Điển	750	Xây mới
9	Long Biên 2 (Gia Lâm)	750	Xây mới
10	Sóc Sơn 2	500	Xây mới

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến 2030 (MVA)	Ghi chú
11	Phú Xuyên	500	Xây mới
12	Hòa Lạc 2	500	Xây mới
13	Đan Phượng	500	Xây mới; nối cấp trạm 500 kV Đan Phượng
14	Chương Mỹ	250	Xây mới
15	Cầu Giấy	500	Xây mới
16	Hai Bà Trưng	500	Xây mới
17	Ứng Hòa	500	Xây mới

II. Đường dây 220kV****

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
I	Xây dựng mới		
1	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4 x 4	Đầu nối TBA 220 kV Văn Điển, bao gồm chuyển đầu nối trạm Văn Điển hình thành Văn Điển - Hòa Bình; Văn Điển - Xuân Mai
2	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4 x 16	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Xuân
3	500kV Đông Anh - Vân Trì	2 x 13	
4	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4 x 2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ
5	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì	2 x 2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh
6	500 kV Tây Hà Nội - Hòa Lạc	2 x 14	Đầu nối TBA 220 kV Hòa Lạc
7	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phú Lý	2 x 4	Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa
8	Long Biên - Mai Động	2 x 16	Xây mới, cáp ngầm
9	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4 x 3	Đầu nối TBA 220 kV Long Biên 2
10	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2 x 25	
11	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2 x 2	Chuyển đầu nối đường dây 220kV Vĩnh Yên 500kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì để hạn chế dòng ngắn mạch

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
12	500 kV Đan Phượng - Mê Linh	2 x 15	
13	Đầu nối 500 kV Đan Phượng	4 x 11	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ
14	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2 x 3	Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2
15	500 kV Sơn Tây - Hòa Lạc 2	2 x 15	Đầu nối TBA 220 kV Hòa Lạc 2
16	500 kV Sơn Tây - Hòa Lạc	2 x 12	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
17	500 kV Sơn Tây - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4 x 5	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
18	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2 x 20	Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220kV Cầu Giấy
19	Hai Bà Trưng - Thành Công	2 x 5	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
20	Hai Bà Trưng - Mai Động	2 x 3	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
21	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2 x 2	Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ
22	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2 x 15	Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên
23	Đầu nối 500 kV Nam Hà Nội	2 x 15	Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội, rẽ Hà Đông Phú Lý và Ứng Hòa - Phú Lý
24	Long Biên 500 kV - Rẽ Long Biên 2 - Mai Động	4 x 10	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Long Biên
II	Cải tạo		
1	Nâng khả năng tải Hòa Bình - Chèm	1 x 74	Đã hoàn thành
2	Nâng khả năng tải Hà Đông - Chèm	1 x 16	
3	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phủ Lý	2 x 40	Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa
4	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2 x 10	Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch
5	Nâng khả năng tải Hà Đông - Thường Tín	2 x 16	

TT	Đường dây	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
6	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2 x 30	Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đầu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên
7	Nâng khả năng tải Thường Tín - Phố Nối	2 x 33	Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối
8	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1 x 25	
9	Nâng khả năng tải Vân Trì - Tây Hồ - Chèm	2 x 20	

III. Các công trình khác có liên quan

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

D. LƯỚI ĐIỆN 110 kV

I. Trạm biến áp 110kV

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
I	Vùng I			
1	Nam Thăng Long (E1.27) (Ciputra)	2x63	4x63	
2	Linh Đàm (E1.26)	2x63+40	3x63	
3	Dương Nội (E1.61)	2x63	3x63	
4	Ngọc Hồi (E1.62)	2x63	3x63	
5	Bắc Thành Công (E1.63)	2x63	3x63	
6	Chèm (E1.6)	2x63	3x63	
7	Giám (E1.14)	2x63	3x63	
8	Văn Quán (E1.30)	2x63	3x63	
9	Mỹ Đình (E1.25)	2x63	3x63	
10	Tây Hồ Tây		4x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 4x63MVA

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
11	Đại Kim (Kim Giang)	2x63	3x63	
12	Phú Lương		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
13	Nối cấp 220kV Văn Điển		2x63	
14	Nối cấp 220kV Thanh Xuân (Thanh Xuân 2)		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
15	CV1 (Công viên Cầu Giấy)		2x63	
16	Nối cấp 220kV Đại Mỗ (Mỹ Đình)		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
17	Giảng Võ (Triển lãm Giảng Võ)		2x63	
18	Tây Mỗ		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
19	Đồng Mai		2x63	
20	Thanh Xuân 3 (Hoàng Mai)		2x63	
21	Thanh Trì		2x63	
22	Hà Đông 2		2x63	
23	Bắc Từ Liêm		2x63	
24	Tây Mỗ 2		2x63	
25	Nối cấp 220kV Hai Bà Trưng		2x63	
26	Ga Ngọc Hồi		2x44+2x16	Trạm khách hàng chuyên dùng
27	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng I		4x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
28	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm...
II	Vùng II			
1	Sân bay Nội Bài (E1.42)	2x25	2x40	
2	Bắc Thăng Long (E.17)	4x50	5x50	
3	Hải Bối (E1.24)	2x40	2x63	
4	Ngọc Thụy		3x63	Giai đoạn 1: Công suất 1x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 3x63MVA
5	Khu công nghiệp Đông Anh 1		2x63	
6	Vân Nội		2x63	
7	Nguyên Khê		2x63	
8	Đông Dư (Tây Nam Gia Lâm)		2x63	
9	Gia Lâm 3 (Phù Đồng)		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x40MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
10	Sóc Sơn 4 (Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn)		2x63	
11	Sóc Sơn 5		2x63	
12	Yên Viên		2x63	
13	Mê Linh 2		2x63	

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
14	Mê Linh 3		1x63	
15	Nối cấp 220kV Mê Linh		1x63	
16	Tây Nam Gia Lâm 2		2x63	
17	Quang Minh 2		2x63	
18	Nam Hồng		2x63	
19	Việt Hùng		2x63	
20	Đông Hội		2x63	
21	Đông Anh 3		2x63	
22	Gia Lâm 4		1x63	
23	Long Biên 3		1x63	
24	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng II		4x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải
25	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm...
III	Vùng III			
1	Phùng Xá (E1.28)	2x63	3x63	
2	Thạch Thất 2	1x40	2x40	
3	Nam An Khánh		2x63	
4	Ba Vì 2		2x40	
5	Phúc Thọ 2		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 1x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
6	Đại học Quốc gia		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x25MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
7	Đan Phượng		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 2x40MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
8	Hoài Đức		2x63	
9	Làng Văn Hóa		2x40	
10	Yên Bình		2x63	
11	Phùng		2x63	
12	Đắc Sở		1x63	
13	An Thịnh		1x63	
14	Nối cấp Hòa Lạc		2x63	
15	Phú Cát		2x40	
16	Hòa Lạc 1		2x40	
17	Hoài Đức 2		2x63	
18	Hòa Lạc 2		2x63	
19	Sơn Tây 3 (Sơn Tây 2)		1x63	
20	Nhà máy điện Rác Seraphin		31,5+16	Trạm nâng áp NMD; khách hàng chuyên dùng
21	Ba Vì 3		2x40	
22	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng III		4x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải
23	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm...

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
IV	Vùng IV			
1	Vân Đình (E10.2)	2x63+40	3x63	
2	Phú Nghĩa (E1.51)	2x40	2x63	
3	Hồng Dương (E1.71)	1x63	2x63	
4	Thường Tín (E1.32)	63+40	2x63	
5	Mỹ Đức (E1.66)	1x40	2x40	
6	Thanh Hà		2x63	
7	Ứng Hòa		2x40	
8	Xuân Mai 3 (Miếu Môn)		2x63	
9	Khu công nghiệp Nam Hà Nội		2x63	
10	Khu Cháy (Khu công nghiệp Khu Cháy)		2x63	Giai đoạn 1: Công suất 1x63MVA; giai đoạn 2: Công suất 2x63MVA
11	Thanh Oai 2		2x63	
12	Xuân Mai 2		1x63	
13	Thanh Oai 3		1x63	
14	Phú Nghĩa 2		1x63	
15	Phú Xuyên 4		1x63	
16	Phú Xuyên 5		1x40	
17	Mỹ Đức 3		1x63	
18	Mỹ Đức 4		1x63	
19	Thường Tín 2		1x63	
20	Thường Tín 3		1x63	
21	Dự phòng phát sinh trạm biến áp 110kV xây mới, cải tạo nâng công suất vùng IV		3x63	Dự phòng cho phát triển phụ tải

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch đến năm 2030	
22	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			Bao gồm nhưng không giới hạn các công trình, dự án: cải tạo TBA theo công nghệ GIS; mở rộng ngăn lộ TBA; cải tạo, hoàn thiện sơ đồ TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch; thay thế nâng cấp các thiết bị bảo đảm khả năng chịu dòng ngắn mạch; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống tự động hóa trạm...

Ghi chú:

- Cấp điện áp phía thứ cấp máy biến áp 110kV và số lượng xuất tuyến trung áp sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

- Vị trí trạm biến áp là dự kiến, vị trí cụ thể sẽ được xác định ở giai đoạn tiếp theo, có thể bố trí TBA tại khu vực lân cận so với các vị trí được đề xuất.

- Tiến độ, quy mô công suất, sơ đồ trạm và phương án đấu nối của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của phụ tải và kết cấu lưới điện trong thực tế.

II. Đường dây 110 kV

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
I	Xây dựng mới		
1	220kV Tây Hồ - Yên Phụ	2 x 6,2	
2	Nhánh rẽ Tây Hồ Tây mạch 1	2 x 1,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Nghĩa Đô - 220kV Chèm
3	Nhánh rẽ Tây Hồ Tây mạch 2	2 x 2,0	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Tây Hồ - CV Thủ Lệ
4	Nhánh rẽ CV 1 (Công viên Cầu Giấy)	2 x 0,5	Đấu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Thanh Xuân - Nghĩa Đô

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
5	Đầu nối 220kV Cầu Giấy	2 x 1,0	- Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây CV Thủ Lệ - Tây Hồ; - Chuyển TC 110kV Nghĩa Đô về TC 110kV của 220kV Cầu Giấy.
6	Giảng Võ - Rẽ Công viên Thủ Lệ	2 x 1,5	Từ 110kV Giảng Võ đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV CV Thủ Lệ - 220kV Tây Hồ
7	Nhánh rẽ Giảng Võ	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Giám - 220kV Thành Công
8	Công viên Thống Nhất - Rẽ Phương Liệt - 220kV Mai Động	2 x 3,0	Từ 110kV CV Thống Nhất đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phương Liệt - 220kV Mai Động
9	Đầu nối trạm 220kV Hai Bà Trung	4 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV CV Thống Nhất - Mai Động và CV Thống Nhất - Thanh Nhân
10	Đầu nối trạm 220kV Hai Bà Trung	2 x 1,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Trần Hưng Đạo - Mai Động
11	Nhánh rẽ Đan Phượng	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV TT Phùng - Chèm
12	Đầu nối trạm biến áp 220kV Đan Phượng	4 x 4,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Trôi - 220kV Tây Hà Nội và TT Phùng - Sơn Tây
13	Hoài Đức - 220kV Đan Phượng	2 x 11,0	
14	An Thịnh - 220kV Đan Phượng	2 x 8,0	
15	An Thịnh - Đắc Sở	2 x 3,5	
16	Đắc Sở - 220kV Tây Hà Nội	2 x 8,5	
17	Nhánh rẽ Phùng	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Trôi - 220kV Tây Hà Nội
18	Nhánh rẽ Bắc Từ Liêm	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Tây Hồ - 220kV Chèm
19	Nhánh rẽ Hoài Đức	2 x 4,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Mỹ Đình - 220kV Chèm

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
20	Nhánh rẽ Hoài Đức 2	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Hà Đông - 220kV Tây HN
21	Đầu nối 220kV Đại Mỗ	2 x 3,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Xuân - Nghĩa Đô
22	Đầu nối 220kV Đại Mỗ	4 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Xuân - 220kV Hà Đông và Mỹ Đình - 220kV Chèm
23	Nhánh rẽ Tây Mỗ	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Xuân - 220kV Hà Đông
24	Nhánh rẽ Tây Mỗ 2	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Chèm - 220kV Đại Mỗ
25	Bắc An Khánh - Nam An Khánh	2 x 1,9	
26	Nam An Khánh - 220kV Tây Hà Nội	2 x 9,0	
27	Nhánh rẽ 220kV Thanh Xuân	4 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ Thành Công - Hà Đông và Thành Công - Nghĩa Đô
28	Nhánh rẽ 220kV Thanh Xuân	2 x 3,7	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thượng Đình - 220kV Thành Công
29	220kV Thanh Xuân - Đại Kim	2 x 3,7	
30	Linh Đàm - Kim Giang	2 x 4,0	
31	Trạm 220kV Văn Điển tách nhánh Thượng Đình	2 x 7,5	
32	Trạm 220kV Văn Điển tách nhánh Linh Đàm	2 x 1,6	
33	Đầu nối trạm 220kV Văn Điển	4 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV từ 220kV Hà Đông - 220kV Mai Động

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
34	Ga Ngọc Hồi - 220kV Văn Điển	2 x 2,5	
35	Ga Ngọc Hồi - Thanh Trì	2 x 3,5	
36	500/220kV Thường Tín - Thanh Trì	2 x 5,5	
37	Nhánh rẽ Hoàng Mai	2 x 3,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thượng Đình - 220kV Văn Điển
38	Nhánh rẽ Phú Lương	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Hà Đông - Văn Điển
39	Nhánh rẽ Ba Vì 2	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Sơn Tây - Phổ Vàng
40	Nhánh rẽ Phúc Thọ 2	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV TT Phùng - Sơn Tây
41	Nhánh rẽ Sơn Tây 2	2 x 1,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phúc Thọ 2 - 220kV Sơn Tây
42	Sóc Sơn 4 - Mê Linh	2 x 9,5	
43	Nhánh rẽ 220kV Mê Linh	4 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Quang Minh - 220kV Vĩnh Yên
44	220kV Sóc Sơn 2 - Nhánh rẽ Nội Bài	2 x 2,5	
45	Đầu nối TBA 220kV Sóc Sơn 2	4 x 2,0	Đầu nối TBA 220kV Sóc Sơn 2 chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV Đông Anh - Sóc Sơn
46	Nhánh rẽ Sóc Sơn 5	2 x 5,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Quang Minh 2 - 220kV Mê Linh
47	Quang Minh 2 - 220kV Mê Linh	2 x 5,0	
48	Nhánh rẽ Mê Linh 3	2 x 5,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Mê Linh - 220kV Vĩnh Yên

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
49	Mê Linh 2 - 220kV Mê Linh	2 x 2,7	Tuyến đầu nối tạm trên đường 110kV Quang Minh - 220kV Vân Trì
		2 x 0,9	
50	Ba Vì 3 - Ba Vì	2 x 8,0	
51	Nhánh rẽ nhà máy điện Rác Seraphin	2 x 1,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Ba Vì 2 - 220kV Sơn Tây
52	Đầu nối 220kV Đông Anh	4 x 3,8	Xây dựng mới hoặc cải tạo từ đường dây hiện hữu tuyến đường dây 110kV từ 220kV Đông Anh đến 110kV Đông Anh; chuyển đầu nối và đầu tách các tuyến 110kV từ 220kV Vân Trì - Bắc Thăng Long - Đông Anh và 220kV Long Biên - Đông Anh
53	Nhánh rẽ Nguyên Khê	2 x 3,8	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - 220kV Vân Trì
54	Nhánh rẽ Vân Nội	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - 220kV Vân Trì
55	Khu công nghiệp Đông Anh 1 - 500/220kV Đông Anh	2 x 2,3	
56	Nhánh rẽ Việt Hùng	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - 220kV Đông Anh
57	Nhánh rẽ Đông Anh 3	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Đông Anh - KCN Bắc Thăng Long
58	Nhánh rẽ Khu công nghiệp Bắc Thăng Long mạch 2	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Trì - Hải Bối
59	Nhánh rẽ Nam Hồng	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV KCN Bắc Thăng Long - 220kV Vân Trì
60	Nhánh rẽ Đông Hội	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Gia Lâm - Đông Anh
61	Nhánh rẽ Yên Viên	2 x 2,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Gia Lâm - Đông Anh

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
62	Làng Văn Hóa - Yên Bình	2 x 5,5	
63	Nhánh rẽ Làng Văn Hóa	2 x 11,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Sơn Tây - 220kV Hòa Lạc
64	Đầu nối trạm biến áp 220kV Hòa Lạc 2	4 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp Làng Văn Hóa - Yên Bình
65	Yên Bình - 220kV Hòa Lạc	2 x 10,0	
66	Nhánh rẽ Hòa Lạc 1	2 x 2,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Yên Bình - 220kV Hòa Lạc
67	Nhánh rẽ Đại học Quốc gia	2 x 2,6	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Hòa Lạc - 220kV Xuân Mai
68	Hòa Lạc 2 - 220kV Hòa Lạc	2 x 3,0	
69	Đầu nối 220kV Hòa Lạc mạch 1	4 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Sơn Tây - 220kV Xuân Mai
70	Đầu nối 220kV Hòa Lạc mạch 2	4 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Sơn Tây - Phùng Xá và 220kV Hà Đông - Thạch Thất 2
71	Nhánh rẽ Ngọc Thụy	2 x 5,7	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Sài Đồng - Long Biên
72	220kV Long Biên 2 - Sài Đồng	2 x 7,5	
73	220kV Long Biên 2 - Rẽ Minh Khai - 220kV Mai Động	2 x 6,5	
74	Nhánh rẽ Long Biên 3	2 x 2,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Long Biên 2 - Sài Đồng
75	220kV Long Biên 2 - Tây Nam Gia Lâm 2	2 x 2,5	
76	220kV Long Biên 2 - Trâu Qùy	2 x 2,5	

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
77	220kV Long Biên - Đông Đư	2 x 13,0	
78	Nhánh rẽ Phù Đồng	2 x 3,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Long Biên - Đông Đư
79	Nhánh rẽ Gia Lâm 4	2 x 2,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Gia Lâm 2 - Phố Nối
80	Nhánh rẽ Thanh Hà	2 x 4,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Hà Đông - Văn Điển
81	Nhánh rẽ Hà Đông 2 Park City	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Hà Đông - 220kV Sơn Tây
82	Nhánh rẽ Đồng Mai	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Oai - 220kV Hà Đông
83	Đầu nối 220kV Chương Mỹ	4 x 1,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp trên đường dây Chương Mỹ - Thanh Oai
84	Phủ Nghĩa - Chương Mỹ 220kV	2 x 6,0	
85	Nhánh rẽ Thanh Oai 2	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Oai - 220kV Hà Đông
86	Nhánh rẽ Thanh Oai 3	2 x 2,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thanh Oai - 220kV Thường Tín
87	Nhánh rẽ Phú Nghĩa 2	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phú Nghĩa - 220kV Xuân Mai
88	Nhánh rẽ Xuân Mai	2 x 3,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV chuyển tiếp trên đường dây 220kV Xuân Mai - Xuân Mai 2 và tách đầu nối TBA 110kV Xuân Mai khỏi tuyến 110kV hiện hữu
89	Nhánh rẽ Xuân Mai 3	2 x 5,0	Đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây Lương Sơn - Thanh Nông tại vị trí cột số 53
90	220kV Chương Mỹ - Xuân Mai 3	2 x 10,0	
91	Nhánh rẽ Phú Cát	2 x 0,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV từ 220kV Hòa Lạc - 220kV Xuân Mai

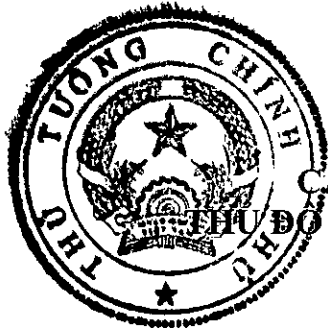
TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
92	Nhánh rẽ Phú Xuyên 4	2 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Tía
93	Đầu nối 220kV Phú Xuyên	4 x 1,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phú Xuyên - Tía
94	220kV Phú Xuyên - Phú Xuyên 5	2 x 5,0	
95	Phú Xuyên 5 - Khu Cháy	2 x 20,0	
96	Nhánh rẽ Khu công nghiệp Nam Hà Nội	2 x 5,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Phú Xuyên - Tía
97	Khu công nghiệp Khu Cháy - Ứng Hòa 220kV	2 x 4,6	
98	Đầu nối 220kV Ứng Hòa	4 x 2,2	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Tía
99	Đầu nối 220kV Ứng Hòa	2 x 4,0	Đầu nối tách tuyến 110kV Vân Đình - Phủ Lý
100	Nhánh rẽ Mỹ Đức 4	2 x 5,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Phủ Lý
101	Nhánh rẽ Mỹ Đức 3	2 x 8,5	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Vân Đình - Hồng Dương
102	Nhánh rẽ Thường Tín 2	2 x 2,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thường Tín - Thanh Oai
103	Nhánh rẽ Thường Tín 3	2 x 5,0	Đầu nối chuyển tiếp trên tuyến 110kV Thường Tín - Tía
104	Dự phòng phát sinh đường dây 110kV xây mới	2 x 50	Dự phòng cho phát triển phụ tải
II	Cải tạo	219,7	
1	Vân Đình - Tía	2 x 14,5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép; nâng khả năng tải đường dây
2	Hà Đông - Thanh Oai - Vân Đình	2 x 26	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép; nâng khả năng tải đường dây
3	Vân Đình - Kim Bảng	2 x 20,5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép; nâng khả năng tải đường dây
4	Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây	2 x 28,0	Cải tạo nâng khả năng tải

TT	Đường dây 110kV	Số mạch x km dự kiến	Ghi chú
5	Nhánh rẽ Thường Tín	2 x 7,0	Từ cột 67 tuyến Hà Đông - Mai Động đến TBA 110kV Thường Tín
6	Thường Tín - Quất Động - Tía	1 x 10	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
7	Thành Công - Giám	2 x 1,3	Cải tạo hạ ngầm
8	220kV Sóc Sơn - 500/220kV Đông Anh - 110kV Đông Anh	1 x 29	Cải tạo nâng khả năng tải
9	Đông Anh - Hải Bối	2 x 8,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
10	Đông Anh - Mai Lâm - Gia Lâm	2 x 14	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
11	Hà Đông - Mai Động	2 x 18,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
12	Mai Động - Phương Liệt	2 x 5,2	Cải tạo hạ ngầm
13	Chèm - Hà Đông	2 x 15,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
14	Hà Đông - Xa La - Thượng Đình	2 x 10,0	Cải tạo hạ ngầm
15	Chèm - Nghĩa Đô - Thanh Xuân	2 x 15,0	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
16	Tây Hồ - Yên Phụ	2 x 5,2	Cải tạo đường dây nâng cao độ tin cậy cung cấp điện
17	Mai Động - Trần Hưng Đạo	2 x 5	Cải tạo hạ ngầm
18	Quang Minh - Phúc Yên	2 x 5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép, nâng khả năng tải, đường dây do EVNNPC quản lý

Ghi chú:

- Tiến độ, quy mô, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch và lập dự án đầu tư, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của phụ tải và kết cấu lưới điện trong thực tế.

- (*), (**), (***), (****) Các công trình trạm biến áp, đường dây cấp điện 500kv và đường dây 220kv thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.



Phụ lục XII
CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CẤP, THOÁT NƯỚC
THỦ ĐỘ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Các giải pháp khung trục chính	
1	Cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình thủy lợi khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước trên sông: Đà, Hồng, Đuống, Đáy, Tích, Bùi ...	Các quận, huyện, thị xã
2	Cải tạo toàn diện cụm công trình đầu mối và dòng chính sông Đáy để tăng cường cấp nước vào mùa kiệt, chuyển nước vào mùa lũ	Các quận, huyện, thị xã
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến sông nội địa phục vụ tiêu thoát nước như: Nhuệ, Duy Tiên, Văn Đình, Cầu Bây, Giàng, Thiên Đức, Thiệp, Ngũ Huyện Khê, Phù Trì, Lương, A2-7, A2-8, Đào Xá, Hòa Bình, Yên Cốc, Đăm, Cầu Ngà, Hang... và các sông trục chính khác trên địa bàn thành phố	Các quận, huyện, thị xã
4	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có và xây dựng mới bảo đảm yêu cầu tưới, tiêu theo các phân vùng thủy lợi	Các quận, huyện, thị xã
5	Cải tạo, nâng cấp các trục kênh tưới, tiêu	Các quận, huyện, thị xã
6	Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Các quận, huyện, thị xã
II	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới, cấp nước	
1	Tân Hưng, Nội Bài	Sóc Sơn
2	Áp Bắc	Đông Anh
3	Sơn Đà	Ba Vì
4	Phù Sa	Sơn Tây
5	Cẩm Yên 2 (tiếp nguồn), Săn (tiếp nước)	Thạch Thất
6	Đông Yên	Quốc Oai
7	Đông Sơn, Thượng Phúc, Chi Lăng 1, Chi Lăng 2, Yên Cốc, Hoàng Diệu	Chương Mỹ
8	Đan Hoài	Đan Phượng



TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
9	Hồng Vân	Thường Tín
10	I2-14 (Mạnh Tân 1)	Ứng Hòa
11	Áng Thượng, Đức Môn	Mỹ Đức
12	Các trạm bơm tưới, cấp nước khác	Các quận, huyện, thị xã
III	Xây mới trạm bơm tưới, cấp nước	
1	Thuần Mỹ 1, Thuần Mỹ 2, Lương Phú	Ba Vì
2	Cẩm Đình	Phúc Thọ
3	An Phú 2	Mỹ Đức
4	Các trạm bơm tưới, cấp nước khác	Các quận, huyện, thị xã
IV	Cải tạo, nâng cấp hồ, đập	
1	Đồng Quan, Cầu Bãi, La Dò, Anh Bé, Đặc Đức, Chiêu Đang, Hàm Lợn, Ban Tiệp, Hoa Sơn, Đồng Đò, Kèo Cà, Đền Sóc, Đồng Quan	Sóc Sơn
2	Hóc Cua, Mèo Gù, Suối Hai, Cẩm Quỳ, Cánh Sẻ, Vồng, Vai Xô, Đầm Đồng, Dâng Bông Ếch	Ba Vì
3	Xuân Khanh, Đồng Mô, đê bao Sơn Tây	Sơn Tây
4	Linh Khiêu, Tân Xã, Cổ Đụng, Lụa, Đồng Sở	Thạch Thất
5	Lập Thành	Quốc Oai
6	Văn Sơn, Đồng Sương, Miếu, Hoàng Diệu, Đà Giáng, Xi, Dâu, Đồng Mốt, Nam...	Chương Mỹ
7	Quan Sơn - Vĩnh An - Tuy Lai, Phú Hiền, Hang Ma	Mỹ Đức
8	Các hồ, đập khác	Các quận, huyện, thị xã
V	Xây mới hồ, đập	
1	Xây dựng các hồ điều hòa trữ nước kết hợp cảnh quan	Các quận, huyện, thị xã
VI	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu, thoát nước	
1	Phương Trạch	Đông Anh
2	Dương Hà	Gia Lâm
3	Tam Báo, Thường Lệ 1, Thường Lệ 2, Văn Khê	Mê Linh
4	Cổ Đô, Vạn Thắng 1, Vạn Thắng 2	Ba Vì

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
5	Cầu Công, Đầm Quang, T1	Sơn Tây
6	Cộng Hòa 2	Quốc Oai
7	Thụy Đức	Thạch Thất
8	An Vọng, An Sơn 1, Yên Duyệt 1, Hạ Dục 1	Chương Mỹ
9	Đào Nguyên (Song Phương)	Hoài Đức
10	Khe Tang 2 mới	Thanh Oai
11	Hậu Bành	Thường Tín
12	Nội Côi, Hoàng Đông, Gia Phú, Bối Khê, Vân Từ, Thái Đa, Phúc Tiến, Thần Quy	Phú Xuyên
13	Mạnh Tân 2, Ngõ Xá, Vân Đình, Thần Lớn	Ứng Hòa
14	An Phú, Phù Lưu Tế 1	Mỹ Đức
15	Đông Mỹ	Thanh Trì
16	Cầm Hà 1, Cầm Hà 2	Sóc Sơn
17	Các trạm bơm tiêu, thoát nước khác	Các quận, huyện, thị xã
VII	Xây mới trạm bơm tiêu, thoát nước	
1	Xuân Kỳ, Kim Lũ	Sóc Sơn
2	Phượng Trạch 2, Vĩnh Thanh, Long Từu	Đông Anh
3	Cự Khối	Long Biên
4	Bạch Trữ	Mê Linh
5	Tiền Phong, Đồng Tiến, Tây Đằng	Ba Vì
6	Thụy Đức 2	Thạch Thất
7	Hữu Văn, Sông Đào, Trại Cốc, Khúc Bằng, Gò Ốc	Chương Mỹ
8	Nam Thăng Long, Liên Mạc	Bắc Từ Liêm
9	Đầm Thọ, Yên Thái	Hoài Đức
10	Yên Nghĩa (giai đoạn 2)	Hà Đông
11	Cao Viên, Yên Cốc	Thanh Oai
12	Khai Thái 2, Phú Minh	Phú Xuyên
13	Phú Lương	Ứng Hòa
14	Hòa Lạc 2, An Phú 2	Mỹ Đức
15	Các trạm bơm tiêu, thoát nước khác	Các quận, huyện, thị xã

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
VIII	Cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống kênh tiêu	Các quận, huyện, thị xã

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.

II. NHÀ MÁY NƯỚC

STT	Nhà máy nước	Địa điểm dự kiến
I	Các nhà máy nước ngầm	Các quận, huyện, thị xã
II	Các nhà máy nước mặt	
1	Bắc Thăng Long	Đông Anh
2	Ba Vì	Ba Vì
3	Sông Đà	Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
4	Sông Đuống	Gia Lâm
5	Sông Hồng	Đan Phượng
6	Xuân Mai	Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
7	Nguồn nước cấp từ Hà Nam (phần dự kiến cấp cho Hà Nội)	Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
8	Nhà máy nước khu vực phía Nam Hà Nội	Phủ Xuyên
9	Nhà máy nước mặt nội bộ khu vực khác	Các quận, huyện, thị xã

Ghi chú:

- Quy mô, công suất các nhà máy cấp nước được xác định theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung thành phố và theo đúng quy định pháp luật.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XIII
PHƯƠNG ÁN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
ĐÔ THỊ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu xử lý (KXL) chất thải rắn (CTR)	Địa điểm	Diện tích dự kiến	Tính chất, quy mô đề xuất
1	KXL CTR Nam Sơn	Huyện Sóc Sơn	257 - 280 ha	Xử lý tổng hợp tất cả các loại hình CTR.
2	KXL CTR Phù Đổng	Huyện Gia Lâm	20 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.
3	KXL CTR Việt Hùng	Huyện Đông Anh	Khoảng 9 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, CTR y tế không nguy hại.
4	KXL CTR Cầu Diễn	Quận Nam Từ Liêm	Khoảng 4 ha	Xử lý CTR y tế nguy hại, CTR phân bùn bể phốt, CTR công kênh, chế biến phân hữu cơ
5	KXL CTR Châu Can	Huyện Phú Xuyên	20 ha	Xử lý tổng hợp tất cả các loại hình CTR.
6	KXL CTR Cao Dương	Huyện Thanh Oai	15 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.
7	KXL CTR Tả Thanh Oai	Huyện Thanh Trì	13 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.
8	KXL CTR Xuân Sơn	Thị xã Sơn Tây và Ba Vì	Khoảng 74 ha	Xử lý tổng hợp tất cả các loại hình CTR.
9	KXL CTR Núi Thoong	Huyện Chương Mỹ	10 - 25 ha	Xử lý CTR sinh hoạt, phân bùn bể phốt, bùn thải thoát nước, CTR xây dựng, CTR công nghiệp, y tế không nguy hại.

TT	Tên khu xử lý (KXL) chất thải rắn (CTR)	Địa điểm	Diện tích dự kiến	Tính chất, quy mô đề xuất
10	KXL CTR Phương Đình	Huyện Đan Phượng	Khoảng 5 ha	Xử lý CTR sinh hoạt



Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, công suất các khu, nhà máy xử lý chất thải được xác định theo nhu cầu thực tế tại các dự án cụ thể để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung thành phố và theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với khu xử lý chất thải rắn Đồng Ké, trước mắt là khu vực dự trữ phát triển. Sau năm 2030, căn cứ vào nhu cầu thực tế về xử lý chất thải rắn của thành phố tại phân vùng 2, khả năng đáp ứng của khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, khả năng mở rộng của khu xử lý Núi Thoong có thể nghiên cứu chuyển đổi sang chức năng khác phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện Chương Mỹ và thành phố.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XIV
PHƯƠNG ÁN CÁC KHU NGHĨA TRANG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu nghĩa trang	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Khu nghĩa trang cấp quốc gia		
1	Nghĩa trang Mai Dịch	Quận Cầu Giấy	Khoảng 6 ha
2	Nghĩa trang Yên Trung	Huyện Thạch Thất	120 ha
II	Khu nghĩa trang cấp vùng		
1	Nghĩa trang Yên Kỳ	Huyện Ba Vì	Khoảng 622 ha
III	Khu nghĩa trang cấp thành phố		
1	Nghĩa trang Văn Điển	Huyện Thanh Trì	Khoảng 19 ha
2	Nghĩa trang Vĩnh Hằng	Huyện Ba Vì	87 ha
3	Nghĩa trang Thanh Tước	Huyện Mê Linh	23 ha
4	Nghĩa trang Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	44 ha
5	Nghĩa trang Chuyên Mỹ	Huyện Phú Xuyên	30 ha
6	Nghĩa trang Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	20-30 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CƠ SỞ Y TẾ THỦ ĐÔ
HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	Các cơ sở y tế hiện có (cải tạo, nâng cấp, mở rộng)		
1	Bệnh viện Xanh Pôn	Quận Ba Đình	
2	Bệnh viện Thanh Nhàn	Quận Hai Bà Trưng	
3	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	Quận Ba Đình	
4	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	
5	Bệnh viện Tim Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	
6	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Quận Đống Đa	
7	Bệnh viện Hoè Nhai	Quận Ba Đình	
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
9	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba	Quận Hoàn Kiếm	
10	Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương	Quận Hai Bà Trưng	
11	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	
12	Bệnh viện Đa liễu Hà Nội	Quận Đống Đa	
13	Bệnh viện Thận Hà Nội	Quận Đống Đa	
14	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Quận Thanh Xuân	
15	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Quận Hà Đông	
16	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	
17	Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng	
18	Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	Huyện Mê Linh	
19	Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	
20	Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ	

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
21	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Quận Long Biên	
22	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Huyện Thanh Trì	
23	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Huyện Ứng Hòa	
24	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Huyện Đông Anh	
25	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Quận Long Biên	
26	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	
27	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	
28	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	
29	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	
30	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	
31	Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông	Quận Hà Đông	
32	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	
33	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	
34	Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai	
35	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức	
36	Bệnh viện 09	Huyện Thanh Trì	
37	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Huyện Đông Anh	
38	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	Huyện Thanh Oai	
39	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	
40	Bệnh viện Nhi Hà Nội	Quận Hà Đông	
41	Bệnh viện Nam Thăng Long	Quận Bắc Từ Liêm	
42	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố và các Trung tâm y tế dự phòng quận/huyện	Các quận, huyện, thị xã	
43	Trung tâm kiểm nghiệm vùng		Tích hợp Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế cấp quốc gia
II Cơ sở y tế xây dựng mới			
1	Tổ hợp công trình y tế Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	
2	Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	
3	Tổ hợp công trình y tế Hòa Lạc	Khu vực Thạch Thất, Quốc Oai	

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
4	Tổ hợp công trình y tế Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	
5	Tổ hợp công trình y tế Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	
6	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hà Nội	Huyện Mê Linh	
7	Bệnh viện khám chữa bệnh chất lượng cao	Các huyện: Mê Linh, Thanh Oai	
8	Bệnh viện chuyên ngành Nội tiết Hà Nội	Khu vực ngoại thành	
9	Bệnh viện Mắt thành phố Hà Nội	Quận Hà Đông	
10	Bệnh viện y học cổ truyền Hà Đông	Quận Hà Đông	
11	Bệnh viện Thận Hà Nội cơ sở 2	Quận Hà Đông	
12	Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2	Quận Bắc Từ Liêm	
13	Bệnh viện Xanh Pôn cơ sở 2	Huyện Thạch Thất	
14	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội cơ sở 2	Huyện Gia Lâm	
15	Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi	Huyện Ba Vì	
16	Bệnh viện đa khoa Đan Phượng (khu mới)	Huyện Đan Phượng	
17	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ (khu mới)	Huyện Phúc Thọ	Được phép mở rộng phụ thuộc vào quỹ đất của địa phương
18	Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ (khu vực phía Nam)	Huyện Chương Mỹ	
19	Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức (khu mới)	Huyện Mỹ Đức	
20	Bệnh viện chuyên ngành Lão khoa Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	
21	Bệnh viện Nam Thăng Long (khu mới)	Quận Bắc Từ Liêm	
22	04 Bệnh viện đa khoa	Nghiên cứu, ưu tiên bố trí quỹ đất tại các quận: Hoàng Mai, Thanh Xuân, Tây Hồ, Nam Từ Liêm	
23	Bệnh viện cấp cứu khu vực phía Bắc	Huyện Sóc Sơn	Ưu tiên quỹ đất tại vị trí dự kiến xây dựng Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
24	Bệnh viện 115	Nghiên cứu, ưu tiên bố trí quỹ đất tại đô thị trung tâm	
25	Trung tâm cấp cứu 115 và hệ thống trạm vệ tinh	Các quận, huyện, thị xã	
26	Trung tâm phân phối thuốc và trang thiết bị y tế	Huyện Sóc Sơn	Nghiên cứu, ưu tiên quỹ đất tại vị trí dự kiến xây dựng Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn
27	Trung tâm Đào tạo và chuyển giao công nghệ lĩnh vực y tế	Các quận, huyện, thị xã	
28	Các cơ sở y tế ngoài công lập		Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khả năng thu hút đầu tư

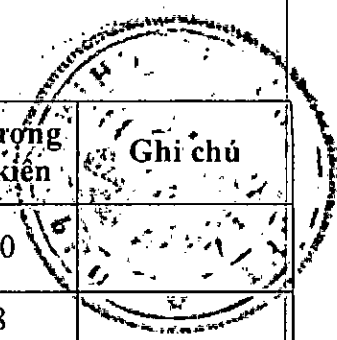
Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, NHIỀU CẤP HỌC XÂY MỚI

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Số lượng dự kiến	Ghi chú
I	Trường trung học phổ thông	Các quận, huyện, thị xã	109	
1	Trung học phổ thông	Quận Cầu Giấy	3	
2	Trung học phổ thông	Quận Hà Đông	6	
3	Trung học phổ thông	Quận Hoàng Mai	8	
4	Trung học phổ thông	Quận Long Biên	4	
5	Trung học phổ thông	Quận Tây Hồ	2	
6	Trung học phổ thông	Quận Bắc Từ Liêm	5	
7	Trung học phổ thông	Quận Nam Từ Liêm	3	
8	Trung học phổ thông	Quận Hai Bà Trưng	1	
9	Trung học phổ thông	Thị xã Sơn Tây	7	
10	Trung học phổ thông	Huyện Chương Mỹ	8	
11	Trung học phổ thông	Huyện Đan Phượng	1	
12	Trung học phổ thông	Huyện Phúc Thọ	2	
13	Trung học phổ thông	Huyện Hoài Đức	1	
14	Trung học phổ thông	Huyện Quốc Oai	3	
15	Trung học phổ thông	Huyện Thạch Thất	4	
16	Trung học phổ thông	Huyện Gia Lâm	5	
17	Trung học phổ thông	Huyện Đông Anh	7	
18	Trung học phổ thông	Huyện Thanh Oai	4	
19	Trung học phổ thông	Huyện Thanh Trì	6	



STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Số lượng dự kiến	Ghi chú
20	Trung học phổ thông	Huyện Mê Linh	10	
21	Trung học phổ thông	Huyện Sóc Sơn	8	
22	Trung học phổ thông	Huyện Mỹ Đức	3	
23	Trung học phổ thông	Huyện Thường Tín	8	
II	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Các quận, huyện, thị xã	31	
1	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Phúc Thọ	1	
2	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Quận Hà Đông	1	
3	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Đông Anh	4	
4	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Gia Lâm	1	
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Sóc Sơn	4	
6	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Thạch Thất	6	
7	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Thanh Trì	1	
8	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Đan Phượng	1	
9	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Chương Mỹ	1	
10	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Hoài Đức	1	
11	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Thị xã Sơn Tây	1	
12	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Mê Linh	4	
13	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Quận Tây Hồ	1	
14	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Phú Xuyên	1	
15	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Huyện Thường Tín	3	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Số lượng dự kiến	Ghi chú
III	Trung tâm giáo dục hòa nhập chuyên biệt	Huyện Sóc Sơn	1	
IV	Một số trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông chuyên biệt ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã		Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư

II. CÁC KHU ĐẠI HỌC VÀ NGHIÊN CỨU

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô (ha)
1	Khu đô thị Đại học tại Hòa Lạc: Đại học quốc gia Hà Nội; cơ sở 2 của một số Trường Đại học thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế, Kinh doanh và quản lý...	Thạch Thất	2.000 - 2.500 ha
2	Khu giáo dục đào tạo tại Sơn Tây: Đào tạo lĩnh vực an ninh quốc phòng, văn hóa, nghệ thuật, du lịch và sự phạm...	Sơn Tây, Ba Vì	200 - 300 ha
3	Khu giáo dục đào tạo tại Xuân Mai: Đào tạo, nghiên cứu về Lâm nghiệp, Khoa học đất và hỗ trợ khởi nghiệp...	Chương Mỹ	250 - 300 ha
4	Khu nghiên cứu, giáo dục đào tạo tại Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ: đào tạo lĩnh vực tư pháp, hành chính, thể dục thể thao...	Chương Mỹ	40 - 50 ha
5	Khu giáo dục đào tạo tại Sóc Sơn: Đào tạo, nghiên cứu phát triển ngành hàng không...	Sóc Sơn	200 - 250 ha
6	Cơ sở nghiên cứu thực nghiệm nghiên cứu Khoa học công nghệ cao Sinh học và nông nghiệp	Phú Xuyên	150 - 200 ha
7	Cụm cơ sở nghiên cứu tại Gia Lâm: Đào tạo, nghiên cứu ngành nông nghiệp và phụ trợ...	Gia Lâm	200 - 250 ha
8	Cụm nghiên cứu, giáo dục đào tạo tại huyện Đan Phượng	Đan Phượng	50 - 70 ha
9	Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục tại Đông Anh - Mê Linh.	Đông Anh - Mê Linh	50 ha

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô (ha)
10	Cụm cơ sở nghiên cứu, giáo dục tại Quốc Oai: đào tạo, nghiên cứu y khoa, công nghệ sinh học và các trung tâm nghiên cứu ứng dụng hỗ trợ phát triển nông nghiệp...	Quốc Oai	50 - 100 ha

III. CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
A	Các công trình hiện có (Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp)		
1	Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội	Quận Nam Từ Liêm	
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	Quận Hà Đông	
3	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
4	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm	
5	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
6	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - nghiệp vụ Du lịch và thời trang Hà Nội thành trường cao đẳng	Thị xã Sơn Tây	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây mới một số hạng mục công trình
7	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội thành trường cao đẳng	Quận Bắc Từ Liêm	
8	Nâng cấp Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Thăng Long thành trường cao đẳng	Huyện Đông Anh	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây mới thêm 1 địa điểm được bổ sung.
9	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội thành trường cao đẳng	Huyện Chương Mỹ	
10	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề số 1 Hà Nội thành trường cao đẳng	Huyện Phú Xuyên	
11	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Cơ khí I Hà Nội thành trường cao đẳng	Huyện Đông Anh	
B	Các công trình xây mới		
1	Trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Quận Nam Từ Liêm	
2	Trường cao đẳng (cơ sở giáo dục nghề nghiệp) thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Huyện Đông Anh	

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.	Huyện Chương Mỹ	
4	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.	Huyện Đông Anh	
5	Trường Cao đẳng Đào tạo nghề chất lượng cao	Huyện Ứng Hoà	
6	Xây dựng một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã	Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương

Ghi chú:

- Phát triển cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục phổ thông bám sát theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mật độ dân cư trên địa bàn tại các đơn vị.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành phố Hà Nội phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, CƠ SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HẠ TẦNG VĂN HÓA

TT	Tên công trình	Địa điểm
A	Các di tích trọng điểm (tu bổ, tôn tạo, mở rộng)	
1	Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long	Quận Ba Đình
2	Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Quận Đống Đa
3	Khu di tích Cổ Loa	Huyện Đông Anh
4	Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn	Quận Hoàn Kiếm
5	Di tích đình Hạ Hiệp	Huyện Phúc Thọ
6	Di tích Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phượng Cách	Huyện Quốc Oai
7	Di tích đình So	Huyện Quốc Oai
8	Di tích đền Bạch Mã	Quận Hoàn Kiếm
9	Di tích đình Chèm	Quận Bắc Từ Liêm
10	Di tích đền Phù Đồng	Huyện Gia Lâm
11	Di tích lịch sử và quần thể danh lam thắng cảnh Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức
12	Di tích Chùa Tây Phương	Huyện Thạch Thất
13	Di tích đền - chùa - đình Hai Bà Trưng	Quận Hai Bà Trưng
14	Di tích gò Đống Đa	Quận Đống Đa
15	Di tích đình Tây Đằng	Huyện Ba Vì
16	Khu di tích Hai Bà Trưng	Huyện Mê Linh
17	Di tích đền Hát Môn	Huyện Phúc Thọ
18	Khu di tích đền Sóc	Huyện Sóc Sơn
19	Khu di tích Thành cổ Sơn Tây, Đền Và	Thị xã Sơn Tây
20	Khu di tích lịch sử văn hóa làng cổ Đường Lâm	Thị xã Sơn Tây
21	Khu di tích Đình (đền) Phùng Hưng, Đền và Lăng Ngô Quyền	Thị xã Sơn Tây
22	Cụm di tích chùa Trầm, chùa Vô Vi, chùa Trăm Gian	Chương Mỹ

TT	Tên công trình	Địa điểm
23	Di tích đình Nội - Bình Đà, xã Bình Minh và di tích chùa Bối Khê	Huyện Thanh Oai
24	Di tích đình Tường Phiêu	Huyện Phúc Thọ
25	Các công trình di tích, lịch sử, văn hóa khác	Các quận, huyện, thị xã
B	Các công trình văn hóa (xây mới)	
1	Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam	Quận Bắc Từ Liêm
2	Nhà hát tại khu vực Quảng An, quận Tây Hồ	Quận Tây Hồ
3	Nhà hát múa rối Thăng Long	Quận Hoàn Kiếm
4	Thư viện Hà Nội (cơ sở 2)	Quận Hà Đông
5	Nhà hát nghệ thuật Xiếc và tạp kỹ Hà Nội	Quận Đống Đa
6	Cung văn hóa, thể thao Thanh niên	Quận Hai Bà Trưng
7	Cung triển lãm Quy hoạch của Thủ đô	Khu vực phía Bắc
8	Nhà hát thành phố Hà Nội	Khu vực đô thị trung tâm
9	Hạ tầng phát triển không gian bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống xứ Đoài	Thị xã Sơn Tây
10	Đền thờ Đức vua Ngô Quyền	Huyện Đông Anh
11	Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ	Huyện Phú Xuyên.
12	Công viên di sản kết hợp quảng trường và công trình công cộng tại khu di tích Thành Cổ Loa	Huyện Đông Anh
13	Hệ thống công viên chuyên đề	Các quận, huyện, thị xã
14	Hệ thống rạp hát, sân khấu ngoài trời trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên các hồ lớn	Các quận, huyện, thị xã
15	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	Ứng Hòa, Nam Từ Liêm, Mỹ Đức, Phú Xuyên,...
16	Hệ thống bảo tàng chuyên đề	Các huyện, thị xã

TT	Tên công trình	Địa điểm
17	Trung tâm công nghiệp văn hóa	Dọc hai bên sông Hồng và khu vực có lợi thế tại các quận, huyện, thị xã
18	Hạ tầng phát triển không gian văn hóa hai bên sông Hồng	Các quận, huyện, thị xã dọc sông Hồng
19	Hạ tầng phát triển không gian văn hóa du lịch Hồ Tây và phụ cận	Quận Tây Hồ
20	Xây dựng công viên di sản danh nhân Tô Hiến Thành	Huyện Đan Phượng
21	Nghiên cứu phục hồi các di sản văn hóa vùng đất cổ Ô Diên	Huyện Đan Phượng
22	Hệ thống quảng trường, tượng đài	Các quận, huyện, thị xã
23	Các công trình văn hóa ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã

II. HẠ TẦNG THỂ DỤC, THỂ THAO

TT	Hạng mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
A	Công trình hiện có		
1	Khu vận động viên cao cấp Mỹ Đình	Quận Nam Từ Liêm	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục hiện có. Xây mới các hạng mục chưa có theo quy hoạch đã được phê duyệt.
2	Cung thể thao Quần Ngựa	Quận Ba Đình	Cải tạo, nâng cấp
3	Sân vận động Hà Đông	Quận Hà Đông	Cải tạo, nâng cấp
4	Trung tâm Thể dục thể thao Khúc Hạo	Quận Tây Hồ	Cải tạo, nâng cấp
5	Trung tâm đua thuyền Hồ Tây	Quận Tây Hồ	Cải tạo, nâng cấp
B	Công trình xây mới		
1	Khu liên hợp thể thao quốc gia	Khu vực phía Bắc thuộc Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn	

TT	Hạng mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
2	Tổ hợp thể thao thành phố phía Tây	Khu vực Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Sơn Tây	
3	Khu thể thao dân tộc và trò chơi dân gian	Khu vực sông Hồng tại quận Long Biên và các quận, huyện, thị xã	
4	Khu liên hợp thể thao phía Nam	Thanh Trì, Thường Tín	
5	Khu trung tâm thể dục thể thao Quân đội	Quận Nam Từ Liêm	
6	Sân vận động Hàng Đẫy	Quận Đống Đa	
7	Một số khu thể thao, sân vận động; trung tâm thể dục - thể thao; nhà thi đấu...	Các quận, huyện, thị xã	Số lượng, địa điểm được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch
8	Các công trình thể thao ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã	Số công trình và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI
PHỐ ĐÓ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN XÂY MỚI

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
1	Trung tâm phân phối, bán buôn; trung tâm thương mại; siêu thị	Các quận, huyện, thị xã	
2	Chợ đầu mối nông sản tổng hợp cấp vùng	Bắc Từ Liêm, Gia Lâm, Mê Linh, Ba Vì, Phú Xuyên, Quốc Oai, Ứng Hòa, Chương Mỹ, Đan Phượng, Thanh Oai	
3	Hệ thống cửa hàng bán lẻ sản phẩm chất lượng với giá cả cạnh tranh, hàng tồn kho của các nhà sản xuất (theo mô hình Outlet)	Các quận, huyện, thị xã	
4	Các trung tâm mua sắm, kinh tế ban đêm	Các quận, huyện, thị xã	

II. TRUNG TÂM LOGISTICS

TT	Danh mục	Quy mô	Địa điểm	Ghi chú
A	Công trình hiện có (nâng cấp, cải tạo)			
1	Trung tâm logistics Hateco	12 ha	Quận Long Biên	
2	Trung tâm logistics đường sắt Yên Viên	10 ha	Huyện Gia Lâm	
3	Trung tâm logistics đường bộ	5,5 ha	Quận Nam Từ Liêm	
4	Trung tâm khai thác vận chuyển khu vực phía Bắc	3,6 ha	Huyện Mê Linh	
B	Công trình dự kiến xây mới			
1	Các Trung tâm logistics	Hạng I	Các quận, huyện: Bắc Từ Liêm; Sóc Sơn; Chương Mỹ; Thanh Oai; Đan Phượng;	



TT	Danh mục	Quy mô	Địa điểm	Ghi chú
2	Các Trung tâm logistics	Hạng II	Các quận, huyện: Hoàng Mai; Phú Xuyên; Thường Tín; Ứng Hoà; Thanh Trì; Đông Anh; Hoài Đức;	
3	Trung tâm logistics tại Cảng cạn ICD Cổ Bi	Hạng I	Huyện Gia Lâm	
4	Trung tâm logistics tại Cảng cạn ICD Đức Thượng	Hạng I	Huyện Hoài Đức	
5	Trung tâm logistics tại Cảng container quốc tế Phù Đổng	Hạng I	Huyện Gia Lâm	

III. TRUNG TÂM HỘI CHỢ TRIỂN LÃM XÂY MỚI

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia	Khu vực phía Nam	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



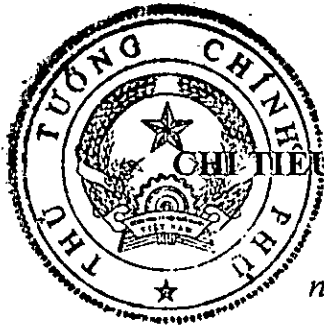
Phụ lục XIX

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH TRỢ GIÚP XÃ HỘI
THỊ TRƯỜNG HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	Công trình hiện có (cải tạo, nâng cấp)		
1	Các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công	Tỉnh Phú Thọ; Quận Hà Đông, huyện Ứng Hòa, huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây	
2	Các cơ sở trợ giúp xã hội	Các quận, huyện, thị xã	
3	Các cơ sở cai nghiện ma túy	Quận Nam Từ Liêm, huyện Ba Vì, huyện Sóc Sơn, thị xã Sơn Tây	
II	Công trình xây dựng mới		
1	Trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 3 Hà Nội	Khu vực phía Bắc thành phố	
2	Trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 4 Hà Nội	Khu vực phía Nam thành phố	
3	Trung tâm chăm sóc người cao tuổi theo tiêu chuẩn các nước phát triển trên thế giới	Các quận, huyện, thị xã	
4	Một số cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	Các quận, huyện, thị xã	
5	Xây dựng một số cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	Các quận, huyện, thị xã	Số cơ sở và địa điểm trên toàn thành phố dựa trên nhu cầu và khả năng thu hút đầu tư của từng địa phương
6	Trung tâm đa chức năng	Huyện Ứng Hoà	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XX
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)
I	Loại đất						
1	Đất nông nghiệp	198.083	58,96	173.175	-731	172.444	51,33
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	100.725	50,85	89.857	-731	89.126	51,68
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	94.053	93,38	87.925	-731	87.194	97,83
1.2	Đất trồng cây lâu năm	29.365	14,82		25.957	25.957	15,05
1.3	Đất rừng phòng hộ	3.951	1,99	5.881		5.881	3,41
1.4	Đất rừng đặc dụng	10.295	5,20	11.017		11.017	6,39
1.5	Đất rừng sản xuất	6.087	3,07	4.991		4.991	2,89
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	1.557	25,58	1.528		1.528	30,62
1.6	Các loại đất nông nghiệp còn lại	47.660	24,06		35.472	35.472	20,57
2	Đất phi nông nghiệp	135.192	40,24	161.812	731	162.543	48,38
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng **	7.279	5,38	8.620		8.620	5,30
2.2	Đất an ninh***	487	0,36	584	716	1.300	0,80
2.3	Đất khu công nghiệp	1.701	1,26	3.828		3.828	2,36

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.4	Đất cụm công nghiệp	1.160	0,86		2.825	2.825	1,74
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	1.835	1,36		2.945	2.945	1,81
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3.941	2,92		4.038	4.038	2,48
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	438	0,32		654	654	0,40
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	46.759	34,59	60.829	-769	60.060	36,95
	Trong đó:						
-	Đất giao thông	30.115	64,40	38.300		38.300	63,77
-	Đất thủy lợi	8.783	18,78		8.896	8.896	14,81
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1.073	2,30	1.810		1.810	3,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	410	0,88	747		747	1,24
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	3.847	8,23	6.045		6.045	10,06
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1.689	3,61	2.205		2.205	3,67
-	Đất công trình năng lượng	157	0,34	784		784	1,31
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	89	0,19	862	-769	93	0,15
-	Các loại đất phát triển hạ tầng còn lại	595	1,27		1.180	1.180	1,96
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia			20		20	0,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	263	0,19	350		350	0,22

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	523	0,39	761		761	0,47
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	804	0,59		868	868	0,53
2.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	3.368	2,49		3.795	3.795	2,33
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	70	0,05		148	148	0,09
2.15	Đất ở tại nông thôn	28.618	21,17		22.071	22.071	13,58
2.16	Đất ở tại đô thị	11.134	8,24		22.751	22.751	14,00
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	621	0,46		955	955	0,59
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	415	0,31		462	462	0,28
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	41	0,03		47	47	0,03
2.20	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại	25.735	19,04		26.045	26.045	16,02
3	Đất chưa sử dụng	2.709	0,81	997		997	0,30
II	Khu chức năng						
1	Đất khu công nghệ cao	1.607	0,48	1.790		1.790	0,53
2	Đất khu kinh tế	164	0,05		164	164	0,05
3	Đất đô thị	42.833	12,75	74.555	56.590	131.145	39,03
4	Khu sản xuất nông nghiệp	103.084	30,68		62.212	62.212	18,52
5	Khu lâm nghiệp	20.333	6,05		24.383	24.383	7,26
6	Khu du lịch	1.853	0,55		4.560	4.560	1,36
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	6.223	1,85		11.041	11.041	3,29
8	Khu phát triển công	2.861	0,85		7.565	7.565	2,25

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ * (ha)	Nhu cầu tăng/giảm so với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ* theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	nghịệp						
9	Khu đô thị	3.340	0,99		6.825	6.825	2,03
10	Khu thương mại - dịch vụ	1.835	0,55		6.179	6.179	1,84
11	Khu dân cư nông thôn	74.661	22,22		69.212	69.212	20,60

Ghi chú:

- Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.
 - Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Trong quá trình thực hiện, địa phương tuân thủ chặt chẽ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các công trình, dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư. Việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

*Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025.

** Diện tích đất quốc phòng đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*** Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



Phụ lục XXI
CÁC KHU VỰC THUỘC VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT,
VÙNG HẠN CHẾ PHÁT THẢI THỦ ĐÔ HÀ NỘI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Vùng môi trường	Phạm vi
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt	
1	Khu dân cư tập trung của các quận	- Gồm các quận hiện nay: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Tây Hồ, Long Biên, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông - Quận dự kiến thành lập: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng
2	Khu dân cư tập trung của thành phố phía Bắc và thành phố phía Tây	Các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn Các huyện: Thạch Thất, Chương Mỹ
3	Khu dân cư tập trung của đô thị loại II	Đô thị Hòa Lạc
4	Khu dân cư tập trung của đô thị loại III	Đô thị Sơn Tây Đô thị Sóc Sơn Đô thị Xuân Mai Đô thị Phú Xuyên
5	Khu bảo tồn thiên nhiên	Vườn Quốc gia Ba Vì Khu bảo vệ cảnh quan Chùa Thầy Khu bảo vệ cảnh quan Hương Sơn Khu bảo vệ cảnh quan K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh Khu bảo vệ cảnh quan Vật Lại Khu bảo vệ cảnh quan Đền Và Khu Dự trữ thiên nhiên Quan Sơn: Thành lập mới

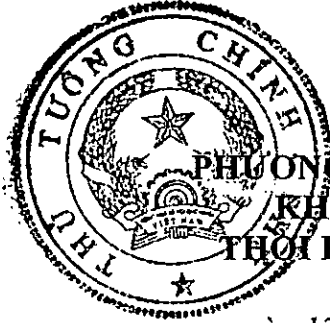
STT	Vùng môi trường	Phạm vi
		Khu bảo vệ cảnh quan hồ Hoàn Kiếm: Thành lập mới
		Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đồng Mô - Ngải Sơn: Thành lập mới
		Khu bảo vệ cảnh quan hồ Suối Hai: Thành lập mới
		Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Tây: Thành lập mới
		Khu bảo tồn loài và sinh cảnh hồ Xuân Khanh: Thành lập mới
6	Khu di sản văn hóa thế giới	Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long
7	Di tích quốc gia cấp đặc biệt	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Phủ Chủ tịch, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
		Đền Sóc, thôn Vệ Linh, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn
		Chùa Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất
		Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá Phương Cách, tại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai
		Đình Tây Đằng, tại thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì
		Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm
		Đền Phù Đồng, tại xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm
		Đền Hát Môn, tại xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ
		Đền Hai Bà Trưng, tại thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh
		Văn Miếu - Quốc Tử Giám, tại phường Văn Miếu, quận Đống Đa
		Thành Cổ Loa, tại xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng, huyện Đông Anh
		Chùa Đậu, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín
		Di tích nhà số 48 Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm

STT	Vùng môi trường	Phạm vi
		Đình Đại Phùng, tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng
		Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Quần thể Hương Sơn, huyện Mỹ Đức
		Đình Chèm, tại Phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm
		Di tích Đền - Chùa - Đình Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng
		Đình Hạ Hiệp xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ
		Đình Tường Phiêu xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ
8	Các di tích quốc gia	Các quận, huyện, thị xã
9	Các di tích cấp thành phố	Các quận, huyện, thị xã
10	Nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Khu vực nhà máy nước Bắc Thăng Long, xã Kim Trung, huyện Đông Anh
		Khu vực nhà máy nước Ba Vì, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì
		Khu vực nhà máy nước Sông Đuống, xã Phù Đồng và xã Trung Mậu, huyện Gia Lâm
		Khu vực nhà máy nước Sông Hồng, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng
		Khu vực nhà máy nước nội bộ (Phúc Thọ, Minh Quang, Minh Châu, Tiến Thịnh...)
II	Vùng hạn chế phát thải	
1	Vùng đệm của Vườn quốc gia Ba Vì	Xã Ba Trại, xã Ba Vì, xã Tân Lĩnh, xã Vân Hòa, xã Yên Bái, xã Khánh Thượng, xã Minh Quang (huyện Ba Vì); xã Yên Bình, xã Yên Trung, xã Tiến Xuân (huyện Thạch Thất), xã Đông Xuân (huyện Quốc Oai)
2	Khu dân cư tập trung của đô thị loại IV	Thị trấn sinh thái Phúc Thọ
		Thị trấn sinh thái Quốc Oai

STT	Vùng môi trường	Phạm vi
		Thị trấn sinh thái Chúc Sơn
3	Khu dân cư tập trung của đô thị loại V	Phân khu đô thị N2 (huyện Mê Linh)
		Thị trấn Liên Quan (huyện Thạch Thất)
		Thị trấn Kim Bài (huyện Thanh Oai)
		Thị trấn Thường Tín (huyện Thường Tín)
		Thị trấn Tây Đằng (huyện Ba Vì)
		Thị trấn Tân Viên Sơn (huyện Ba Vì)
		Thị trấn Đại Nghĩa (huyện Mỹ Đức)
		Thị trấn Vân Đình (huyện Ứng Hòa)
		Thị trấn Ni (huyện Sóc Sơn)
4	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Các hành lang bảo vệ nguồn nước được lập theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước
5	Vùng đất ngập nước quan trọng	Hồ Cẩm Quỳ
		Hồ Đàm Long
		Hồ Mèo Gù
		Hệ thống suối Yên - Long Vân
		Suối Tuyết Sơn
		Hồ Bảy Mẫu
		Hồ Thanh Nhàn 1 (trong khuôn viên Công viên Thống Nhất)
		Hồ Thiên Quang
6	Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ	Không gian xanh: bao gồm toàn bộ hành lang xanh, vành đai xanh, các nêm xanh và các công viên đô thị
		Khu rừng phòng hộ

STT	Vùng môi trường	Phạm vi
III	Vùng khác	Gồm các khu vực phát triển đa mục tiêu, bao gồm các khu vực nằm ngoài vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn các huyện, thị xã của Thủ đô Hà Nội

Ghi chú: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch Thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



Phụ lục XXII
**PHƯƠNG ÁN KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC,
KHU RỪNG ĐẶC DỤNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

TT	Tên khu/cơ sở bảo tồn	Diện tích dự kiến (ha)	Phân hạng	Phân loại	Ghi chú
I	Khu bảo tồn cấp quốc gia				
1	Ba Vì	7.173,03	Vườn quốc gia	Đất liền	Chuyển tiếp
2	K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	234	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp
II	Khu bảo tồn cấp thành phố				
1	Quan Sơn	2.741,10	Dự trữ thiên nhiên	Đất ngập nước	Thành lập mới
2	Hồ Hoàn Kiếm	16,0	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
3	Hồ Tây	525	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
4	Hương Sơn	2.719,80	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp
5	Vật Lại	11,28	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp
6	Đền Và	5,7	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Thành lập mới
7	Đồng Mô - Ngải Sơn	900,0	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Thành lập mới
8	Hồ Suối Hai	1.200	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
9	Hồ Xuân Khanh	85,25	Bảo vệ cảnh quan	Đất ngập nước	Thành lập mới
10	Bãi giữa Văn Lang huyện Ba Vì	1.000	Bảo tồn loài và sinh cảnh	Đất ngập nước	Thành lập mới
11	Chùa Thầy	37,13	Bảo vệ cảnh quan	Đất liền	Chuyển tiếp

II. KHU RỪNG ĐẶC DỤNG

STT	Tên khu rừng	Vị trí	Diện tích dự kiến (ha)	Mục đích thành lập	Ghi chú
1	Ba Vì	Các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai	7.173,03	Bảo tồn đa dạng sinh học, di tích lịch sử, du lịch sinh thái, cảnh quan, môi trường	Chuyển tiếp
2	Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phương Cách	Huyện Quốc Oai	17,0	Bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
3	K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Huyện Ba Vì	234,00	Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
4	Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức	3.760,00	Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
5	Vật Lại	Huyện Ba Vì	7,00	Bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử, môi trường, du lịch	Chuyển tiếp
6	Rừng Nghiên cứu thực nghiệm, Trường Đại học Lâm nghiệp	Huyện Chương Mỹ	40,2	Nghiên cứu, thực nghiệm, giáo dục đào tạo	Chuyển tiếp
7	Viện Nghiên cứu giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp	Huyện Ba Vì	215,1	Nghiên cứu giống và ứng dụng công nghệ sinh học lâm nghiệp	Chuyển tiếp
Tổng			11.446,33		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, hình thức đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XXIII
PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THỦ ĐÔ
HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Loại khoáng sản	Số mỏ dự kiến quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	Tổng diện tích các mỏ dự kiến	Địa điểm dự kiến
1	Nước khoáng, nước nóng	04 - Lỗ khoan		Huyện Ba Vì
2	Đá vôi xi măng	01	Khoảng 48 ha	Huyện Mỹ Đức
3	Sét xi măng	01	Khoảng 35 ha	Huyện Mỹ Đức
4	Đá bazan	02	Khoảng 57 ha	Huyện Quốc Oai
5	Cát xây dựng, san lấp	28	Khoảng 1.263 ha	Các huyện: Mê Linh, Đan Phượng, Đông Anh, Ba Vì và một số huyện khác
6	Sét gạch ngói	09	Khoảng 212 ha	Các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Đông Anh, Mê Linh, Đan Phượng, Mỹ Đức và một số huyện khác
7	Puzolan	01	Khoảng 19 ha	Thị xã Sơn Tây
8	Than bùn	02	Khoảng 59 ha	Các huyện Ba Vì, Mỹ Đức
9	Đất san lấp	03	Khoảng 32 ha	Huyện Ba Vì, Thị xã Sơn Tây và một số huyện khác
Tổng cộng		51	1.722 ha	

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, quy định có liên quan; rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành.

- Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tất cả các khu vực quy hoạch, khi thăm dò phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn vật liệu xây dựng thông thường phải báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết, định hướng khai thác sử dụng đúng giá trị tài nguyên.

- Đối với cát xây dựng và san lấp trên tuyến sông, phải có đầu tư khảo sát đánh giá, xác định chi tiết diện tích thăm dò, khai thác để bảo đảm an toàn môi trường, dòng chảy và lòng bờ, bãi sông, tuân thủ theo Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.



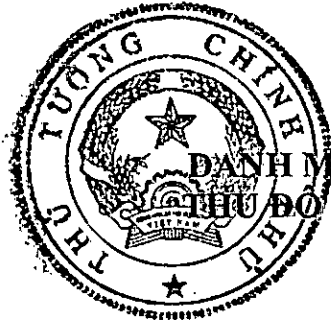
Phụ lục XXIV
PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC
THỦ ĐÓNG HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
1	Sông Công	Bắc Sơn	Sóc Sơn	Trung Giã	Sóc Sơn	Giao thông thủy, cấp nước sản xuất nông nghiệp
2	Sông Cầu	Trung Giã	Sóc Sơn	Việt Long	Sóc Sơn	Giao thông thủy, cấp nước sản xuất nông nghiệp
3	Sông Đuống	Tâm Xá	Đông Anh	Lệ Chi	Gia Lâm	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sinh hoạt
4	Sông Cà Lồ	Tân Dân	Sóc Sơn	Thụy Lâm	Đông Anh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
5	Phụ lưu số 6 (Ngòi Cầu Trắng)	Hiền Ninh	Sóc Sơn	Thanh Xuân	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
6	Kênh Anh Hùng	Hiền Ninh	Sóc Sơn	Tân Dân	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
7	Sông Thiếp	Nam Hồng	Đông Anh	Cổ Loa	Đông Anh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
8	Phụ lưu số 26 (Ngòi Cầu Đàng)	Phù Linh	Sóc Sơn	Việt Long	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
9	Sông Hồng	Phong Vân	Ba Vì	Quang Lãng	Phú Xuyên	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ Giao thông thủy

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
10	Sông Đà	Khánh Thượng	Ba Vì	Phong Vân	Ba Vì	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Giao thông thủy
11	Sông Đáy	Đồng Tháp	Đan Phượng	Hương Sơn	Mỹ Đức	Cấp nước cho du lịch, dịch vụ Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Môi trường
12	Sông Bùi	Yên Bài	Ba Vì	Hòa Chính	Chương Mỹ	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
13	Sông Tích Giang	Tòng Bạt	Ba Vì	Thụy An	Ba Vì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
		Thụy An	Ba Vì	Tích Giang	Phúc Thọ	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
14	Suối Hai	Minh Quang	Ba Vì	Ba Trại	Ba Vì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
15	Sông Con	TT Xuân Mai	Chương Mỹ	TT Xuân Mai	Chương Mỹ	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
16	Suối Ngang	Bình Yên	Thạch Thất	Bình Yên	Thạch Thất	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
17	Sông Cầu Du	Vân Hòa	Ba Vì	Trung Sơn Trầm	TX. Sơn Tây	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
18	Phân lưu số 19	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Tri Trung	Phú Xuyên	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
19	Sông Thanh Hà	An Phú	Mỹ Đức	Độc Tín	Mỹ Đức	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
20	Suối Yến	Hương Sơn	Mỹ Đức	Hương Sơn	Mỹ Đức	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
21	Sông Ngoại Độ	Trung Tú	Ứng Hòa	Đội Bình	Ứng Hòa	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
22	Sông Nhuệ	Xuân Phương	Bắc Từ Liêm	Quang Trung	Thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sinh hoạt Môi trường
23	Sông Măng Giang	Đội Bình	Ứng Hòa	Đông Lỗ	Ứng Hòa	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
24	Sông Nông Giang (Sông Duy Tiên)	Châu Can	Phú Xuyên	Minh Tân	Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
25	Sông Hòa Bình	Tam Hiệp	Thanh Trì	Đại Áng, Tả Thanh Oai	Thanh Trì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
26	Sông Cầu Bấy	Việt Hưng	Long Biên	Kiều Kỵ	Gia Lâm	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
27	Sông Ngũ Huyện Khê	Xuân Canh, Đông Hội	Đông Anh	Hòa Long	Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp
28	Sông Giàng	Đặng Xá	Gia Lâm	Dương Quang	Gia Lâm	Cấp nước sản xuất nông nghiệp



Phụ lục XXV
DANH MỤC CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG HIỆN CÓ BỔ SUNG
THỦ ĐỘ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đề chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
	TỔNG		33	674	151.535	
A	HỮU ĐÀ					
I	Thuần Mỹ					
1	Thôn 5 Thuần Mỹ - Đan Thê	K2+350-K3+850	1	5,0	402	
2	Khê Thượng - Thái Bạt	K5+600-K7+800	1	28,8	2.700	
II	Minh Khánh					
3	Thôn Sơn Hà	Không có đề chính	1	14,2	1.483	
B	HỮU HỒNG					
III	Cổ Đô					
4	Thôn Trung Hà Thái Hòa 2 - Vân Hội (Phong Vân 1)	K0+000-K2+400	1	17,5	2.194	
IV	Minh Châu					
5	Khu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Minh Châu	K20+500-K23+500 (Bãi giữa sông Hồng)	1	82,08	6.633	
6	Chu Quyển - Chu Minh	K21+500-K22+800	1	15,20	1.370	
7	Đường Lâm 2	K27+700-K28+600	1	5,38	487	
8	Phú Thịnh 1	K29+000-K29+400	1	1,76	410	
V	Cẩm Đình					
9	Cụm 1	K3+300-K5+000 đề	1	13,00	1.040	

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đê chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
		Vân Cốc				
VI	Điện Biên - Giao An					
10	Thọ An	K10+500-K11+200 Vân Cốc	1	8,92	875	
11	Hồng Hà	K14+800-K15+160 Vân Cốc và K40+350-K42+950 Hữu Hồng	1	38,00	3.995	
12	Liên Hồng	K42+950-K44+900	1	12,18	1.893	
VII	Thượng Cát, Liên Mạc					
13	Đông Ngạc	K54+200-K55+200	1	7,70	982	Đã trừ phần dân cư di dời Đông Ngạc
14	Thượng Thụy (tổ 1)	K56+050-K56+500	1	4,64	739	
VIII	Yên Phụ - Vĩnh Tuy					
15	Yên Phụ - Vĩnh Tuy	K62+630-K69+700	1	216,30	97.286	
IX	Hoàng Mai					
16	Thanh Trì 1	K71+200-K72+050	1	4,30	1.110	
X	Thanh Trì 1					
17	Thôn Đại Lan	K82+400-K83+000	1	2,64	438	
XI	Thanh Trì 2					
18	Ninh Sở	K85+689-K87+700	1	34,00	6.700	
19	Hồng Vân 1	K88+980-K90+700	1	14,46	1.750	
C	TẢ HỒNG					

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đề chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
XII	Tráng Việt					
20	Võng La	K51+300-K51+900 K53+500-K54+900	2	24,30	2.597	Đã trừ phần dân cư di dời
21	Hải Bối	K54+900-K57+900	1	67,80	6.013	
XIII	Ngọc Thụy					
22	Yên Tân	K65+500-K66+200	1	5,56	1.543	Đã trừ phần dân cư di dời
23	Tổ 27	K66+200-K66+900	1	3,47	1.286	Đã trừ phần dân cư di dời
D	TẢ ĐUỐNG					
XIV	Đông Ngàn					
24	Đông Ngàn	K2+200-K3+200	1	5,8	690	Đã trừ phần dân cư di dời Đông Ngàn
25	Mai Lâm	K4+140-K5+500	1	12,8	1.288	
26	TDP Đuống 1	K8+400-K8+800	1	2,9	1.102	Đã trừ phần dân cư di dời Yên Viên
27	TDP Đuống 2	K8+900-K9+300	1	3,0	683	
XV	Phù Đồng					
28	Xóm 4	K15+500-K15+700	1	3,60	715	
E	HỮU ĐUỐNG					
29	Thượng Thanh Tổ 18,19	K1+900-K3+100	1	10,50	897	Đã trừ phần dân cư di dời Thượng Thanh
F	HỮU CẦU					
XVI	Trung Giã					

TT	Tên Bối, bãi	Vị trí theo Km đề chính	Số khu dân cư tập trung	Diện tích khu dân cư tập trung (ha)	Dân số (người)	Ghi chú
30	Hòa Bình	K17+000-K17+800	1	8,00	677	
31	Xóm Gò Sành, thôn An Lạc	K17+200-K17+500	1	5,63	476	
G	TÀ CÀ LÒ					
XVII	Tân Lập					
32	Xóm Tân Lập, thôn Xuân Dương	K0+900-K1+300	1	9,29	1.083	

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về số liệu dân số, số khu dân cư tập trung và diện tích khu dân cư tập trung hiện có tại Phụ lục này.

- Quy hoạch Thủ đô xác định vị trí, diện tích các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ; diện tích chính xác, ranh giới các khu dân cư tập trung sẽ được xác định cụ thể khi triển khai lập quy hoạch chung, các đề án, dự án và các quy hoạch có liên quan theo quy định.



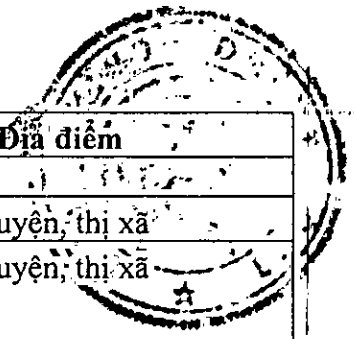
Phụ lục XXVI

**GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ PHÁT TRIỂN ĐỀ ĐIỀU
THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg

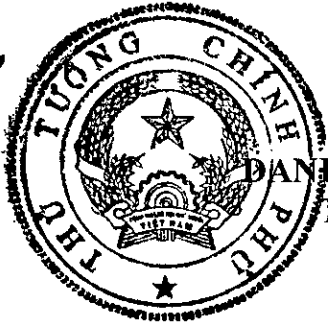
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Giải pháp kỹ thuật	Địa điểm
A	CÁC GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH	
I	Cải tạo lòng dẫn, tăng cường thoát lũ	
1	Ổn định cửa Đuống, kiểm soát phân lưu Hồng - Đuống	Long Biên, Đông Anh
2	Nạo vét, cải tạo Lạch Quýt	Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm
3	Nạo vét, cải tạo các trục tiêu thoát lũ ra các sông Tích, Bùi	Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ
4	Nạo vét, cải tạo sông Đáy, Tích, Bùi, Cà Lồ	Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Đông, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn
5	Kè bờ sông, mở hàn	Các quận, huyện, thị xã
II	Nâng cấp, củng cố hệ thống đê	
1	Hoàn thiện mặt cắt đê (cao trình, cơ, mái...)	Các quận, huyện, thị xã có đê
2	Xử lý ẩn họa, nâng cao chất lượng thân, nền đê (mối, đùn sùi, nền yếu, trồng tre chắn sóng...)	Các quận, huyện, thị xã có đê
3	Bảo vệ, chống lấn chiếm (đường hành lang, cấm mọc)	Các quận, huyện, thị xã có đê
4	Nâng cấp, cải tạo các công trình phụ trợ: cống, điểm, kho vật tư, cửa khẩu	Các quận, huyện, thị xã có đê
5	Cải tạo đê kết hợp cảnh quan, giao thông (mặt đê, mở rộng cải tạo đê, đường hành lang, cửa khẩu, cắt cong...)	Các quận, huyện, thị xã có đê
6	Nâng cấp, xây dựng hệ thống đê Tả, Hữu Đáy, Tả Hữu Bùi, Tả Tích	Các quận, huyện, thị xã hệ thống sông Đáy
7	Củng cố các đê bao, đê bồi	Các quận, huyện, thị xã
8	Cấm mọc chỉ giới các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ	Các quận, huyện, thị xã
III	Quản lý, sử dụng bãi sông	
1	Di dời ổn định dân cư khu vực nguy hiểm vùng bãi sông, vùng thường xuyên ngập	Các quận, huyện, thị xã



TT	Giải pháp kỹ thuật	Địa điểm
	lụt	
2	Sắp xếp di dời dân cư phân tán	Các quận, huyện, thị xã
3	Xây dựng đường bao khu dân cư phục vụ cứu nạn cứu hộ kết hợp chỉnh trang, quản lý khu dân cư	Các quận, huyện, thị xã
4	Xây dựng kè chống sạt lở, bảo vệ bờ sông Hồng kết hợp đường giao thông, tạo cảnh quan, phát triển dịch vụ	Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm
B	CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC	Các quận, huyện, thị xã
1	Xác định không gian thoát lũ các khu vực không có đề thuộc các sông Cà Lồ, Tích, Bùi, Thanh Hà, Đà, Mỹ Hà	
2	Kiểm soát, quản lý sử dụng bãi sông; Kiểm soát khai thác cát	
3	Cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đề điều	
4	Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai.	
5	Xây dựng bản đồ ngập lụt, xây dựng phương án ứng phó khẩn cấp đối phó với tình huống lũ trên sông Hồng; chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy; lũ lớn trên các sông Tích, Bùi, Mỹ Hà	
6	Tuyên truyền, đào tạo, nâng cao kỹ năng nhận thức của người dân về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ công trình phòng chống thiên tai	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Ngoài danh mục nêu trên, căn cứ nhu cầu thực tế để nghiên cứu điều chỉnh, phát triển thêm các dự án phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan theo đúng quy định pháp luật.



Phụ lục XXVII
DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ HÀ NỘI, THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
I	Bảo vệ môi trường	
1	Dự án cải tạo môi trường, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các dòng sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét	Các quận, huyện có dòng sông chảy qua
2	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Tây sông Nhuệ	Các quận: Tây Hồ, Cầu Giấy và Bắc Từ Liêm
3	Xây dựng khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn II	Huyện Sóc Sơn
4	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn theo công nghệ hiện đại phía Tây tại Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, Núi Thoong, huyện Chương Mỹ; phía Nam tại Châu Can, huyện Phú Xuyên	Thị xã Sơn Tây, các huyện: Chương Mỹ, Phú Xuyên
5	Xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Các quận, huyện, thị xã có sông, ao hồ
6	Triển khai phân loại rác thải tại nguồn	Các quận, huyện, thị xã
7	Bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030	Các quận, huyện, thị xã có làng nghề
8	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách khỏi nước mưa, kết hợp các giải pháp cải tạo cảnh quan, kiểm soát chất lượng nước ao, hồ, kênh, mương...	Các quận, huyện, thị xã
9	Xây dựng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường, ứng phó sự cố, cảnh báo an ninh nguồn nước cấp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội	Các quận, huyện, thị xã
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung	Các quận, huyện, thị xã
11	Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các bãi rác đã đóng cửa	Khu xử lý chất thải rắn Kiêu Kỵ, Vân Đình, Đông Lỗ...
12	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả Nhuệ, hữu Nhuệ	Hà Đông, Long Biên và khu vực phía Tây

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
13	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Phú Đô	Quận Nam Từ Liêm
14	Xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải An Lạc và Phúc Đồng	Quận Long Biên
15	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Lại Yên giai đoạn I	Huyện Hoài Đức
16	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Đại Áng giai đoạn I	Huyện Thanh Trì
17	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải Tân Hội giai đoạn I	Huyện Đan Phượng
18	Xây dựng các trục thoát nước lớn, xuyên tâm, kết nối hệ thống thoát nước của khu vực trung tâm ra các trục tiêu thoát chính của thành phố	Khu vực đô thị trung tâm
19	Xây dựng các nhà máy nước mặt sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng	Khu vực phía Nam và phía Bắc thành phố
20	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải	Các khu vực phát triển đô thị
II	Mạng lưới giao thông	
	Về hạ tầng đường bộ và cầu qua sông	
1	Đường vành đai 5 vùng Thủ đô	Hà Nội và các tỉnh vùng Thủ đô có tuyến đường đi qua
2	Nâng cấp mở rộng các đoạn tuyến Bắc Giang - Cầu Phủ Đồng và Pháp Vân - Cầu Giẽ thuộc cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01)	Các quận, huyện: Gia Lâm, Long Biên, Hoàng Mai, Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên
3	Đầu tư xây dựng các đoạn tuyến Phú Thọ - Ba Vì và Ba Vì - Chợ Bến thuộc cao tốc Bắc - Nam phía Tây và nút giao với hệ thống giao thông đô thị (CT.02)	Các huyện Ba Vì, Mỹ Đức
4	Đầu tư hoàn thiện cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long và nút giao với hệ thống giao thông đô thị (CT.09)	Huyện Sóc Sơn
5	Đầu tư xây dựng mới cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14)	Các huyện: Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức
6	ĐT.401 (Trục Tây Thăng Long đoạn từ Vành đai 4 tới Sơn Tây)	TP Hà Nội
7	ĐT.402 (Trục Hồ Tây - Ba Vì đoạn từ Vành đai 4 tới Hòa Lạc)	TP Hà Nội
8	ĐT. 403 (Trục Hà Đông - Xuân Mai đoạn từ Vành đai 4 tới Xuân Mai)	TP Hà Nội
9	ĐT.404 (Trục Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn từ Vành đai 4 tới Phú Xuyên)	TP Hà Nội
10	ĐT.405 (Trục kinh tế Bắc - Nam đoạn từ Vân	Đoạn từ Vân Phúc (Phú

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	Phúc (Phú Thọ) đến Phú Xuyên)	Thọ) đến Phú Xuyên TP. Hà Nội
11	ĐT.407 (Trục Đỗ Xá - Quan Sơn)	TP Hà Nội
12	ĐT.409 (Đường trục Chúc Sơn - Miếu Môn - Hương Sơn)	TP Hà Nội
13	ĐT.419B (Đường Lê Văn Lương kéo dài)	TP Hà Nội
14	Cầu Tứ Liên, cầu Trần Hưng Đạo qua sông Hồng	Các quận, huyện: Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Đông Anh, Long Biên
15	Cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 02 đầu cầu	Thanh Trì
16	Cầu Giang Biên và đường nối hai đầu cầu	Các quận, huyện: Long Biên, Gia Lâm
17	Cầu Phú Thượng	Tây Hồ, Đông Anh
	Về hạ tầng đường sắt	
18	Các ga đầu mối đường sắt quốc gia Ngọc Hồi và Yên Viên	Các huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Gia Lâm
19	Vành đai phía Đông	Các huyện: Gia Lâm, Thanh Trì, Thường Tín
20	Vành đai phía Tây	Các quận, huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Thanh Hoai, Hà Đông, Hoài Đức, Mê Linh
	Về hạ tầng đường sắt đô thị	
21	Ga Hà Nội: Ga trung tâm đường sắt đô thị kết nối với đường sắt quốc gia để trả khách vào thời điểm phù hợp	Hoàn Kiếm, Đống Đa
22	Tuyến số 01 Ngọc Hồi - Yên Viên - Lạc Đạo	Các quận, huyện: Thanh Trì, Hoàng Mai, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Long Biên, Gia Lâm
23	Tuyến số 01A (Ngọc Hồi - Sân bay thứ 2 phía Nam)	Các huyện: Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa
24	Tuyến số 02 (Nội Bài - Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo - Chợ Mơ - Ngã Tư Sở - Hoàng Quốc Việt và đoạn kéo dài đến Sóc Sơn)	Các quận, huyện: Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Ba Đình, Cầu Giấy, Tây Hồ, Đông Anh, Sóc Sơn
25	Tuyến số 02A kéo dài (Hà Đông - Xuân Mai)	Các quận, huyện: Hà Đông, Chương Mỹ
26	Tuyến số 03 đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai và	Các quận, huyện, thị xã:

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	đoạn Nhôn - Sơn Tây	Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Bắc Từ Liêm, Hoài Đức, Đan Phượng, Phúc Thọ, Sơn Tây
27	Tuyến số 04 Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà	Các quận, huyện: Đông Anh, Long Biên, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Đan Phượng
28	Tuyến số 05: Văn Cao - Hòa Lạc	Các quận, huyện: Tây Hồ, Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất
29	Tuyến số 06: Nội Bài - Phú Diễn - Hà Đông - Ngọc Hồi	Các quận, huyện: Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Trì
30	Tuyến số 07: Mê Linh - Dương Nội - Hà Đông	Các quận, huyện: Mê Linh, Đông Anh, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Hà Đông
31	Tuyến số 08: Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá	Các quận, huyện: Hoài Đức, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Gia Lâm
32	Tuyến số 09 Mê Linh - Cổ Loa - Dương Xá	Các huyện: Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm
33	Tuyến số 10: Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Yên Nghĩa	Các quận, huyện: Ba Đình, Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông
34	Tuyến số 11: Vành đai 2 - Trục phía Nam - Sân bay thứ 2 phía Nam	Các quận, huyện: Đống Đa, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Thanh Trì, Hà Đông, Thanh Oai, Phú Xuyên, Ứng Hòa
35	Tuyến số 12 Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Phú Xuyên	Các quận, huyện, thị xã: Sơn Tây, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thường Tín

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
36	Tuyến M1 (Liên Hà - Tân Lập - An Khánh)	Các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức
37	Tuyến M2 (Mai Dịch - Mỹ Đình - Văn Mỗ - Phúc La; Phú Lương - Thanh Liệt - Giáp Bát)	Các quận, huyện: Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Thanh Trì, Hoàng Mai
	Về hạ tầng đường thủy nội địa	
38	Tuyến Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì qua sông Đuống	Các quận, huyện, thị xã: Gia Lâm, Long Biên, Đông Anh, Mê Linh, Tây Hồ, Bắc Từ Liêm, Đan Phượng, Phúc Thọ, Ba Vì, Sơn Tây
39	Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)	Long Biên, Gia Lâm
40	Cảng Thượng Cát (gồm cảng Hoàng Bình)	Quận Bắc Từ Liêm
41	Cảng Chèm - Liên Mạc	Quận Bắc Từ Liêm
42	Cảng Phù Đổng	Huyện Gia Lâm
	Về hạ tầng cảng cạn	
43	Đầu tư hệ thống cảng cạn trên địa bàn thành phố	TP Hà Nội
	Về hạ tầng hàng không	
44	Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Huyện Sóc Sơn
45	Sân bay lưỡng dụng Hòa Lạc	Huyện Thạch Thất
46	Sân bay lưỡng dụng Gia Lâm	Quận Long Biên
47	Nghiên cứu, đầu tư Cảng hàng không thứ hai vùng Thủ đô	Khu vực phía Đông Nam, Nam Thủ đô Hà Nội
III	Văn hóa, thể thao	
1	Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam	Quận Bắc Từ Liêm
2	Nhà hát tại khu vực Quảng An, quận Tây Hồ	Quận Tây Hồ
3	Khu liên hợp thể thao quốc gia khu vực Bắc sông Hồng	Huyện Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn
4	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế	Huyện Đông Anh
5	Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa Thủ đô	Các quận, huyện, thị xã
6	Khôi phục, bảo tồn và phát huy một số loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc của Thủ đô Hà Nội	Các quận, huyện, thị xã

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
7	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị khu di sản văn hóa thế giới Hoàng thành Thăng Long	Quận Ba Đình
8	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Cổ Loa	Huyện Đông Anh
9	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích thành cổ Sơn Tây, không gian văn hóa làng cổ Đường Lâm	Thị xã Sơn Tây
10	Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền	Huyện Đông Anh
11	Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ	Huyện Phú Xuyên
12	Nhà hát múa rối Thăng Long	Quận Hoàn Kiếm
13	Nhà hát thành phố Hà Nội	Khu vực đô thị trung tâm
14	Nhà hát Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Hà Nội	Quận Đống Đa
15	Thư viện Hà Nội (cơ sở 2)	Quận Hà Đông
16	Cung văn hóa, thể thao Thanh niên	Quận Hai Bà Trưng
17	Hệ thống công viên chuyên đề	Các quận, huyện, thị xã: Long Biên, Gia Lâm, Đông Anh, Thường Tín, Phú Xuyên, Sơn Tây, Hoài Đức, Mê Linh, Thanh Oai...
18	Hệ thống bảo tàng chuyên đề	Các quận, huyện, thị xã
19	Khu vận động viên cao cấp Mỹ Đình	Quận Nam Từ Liêm
20	Sân vận động Hàng Đẫy	Quận Đống Đa
21	Sân vận động Hà Đông	Quận Hà Đông
22	Khu Thể dục thể thao Khúc Hạo	Quận Ba Đình
23	Khu đua thuyền Hồ Tây	Quận Tây Hồ
24	Tổ hợp thể thao phía Tây	Các huyện: Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Sơn Tây
25	Khu thể thao dân tộc và trò chơi dân gian	Khu vực sông Hồng tại quận Long Biên
26	Khu liên hợp thể thao phía Nam	Các huyện: Thanh Trì, Thường Tín
27	Xây dựng một số nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi cấp quận, huyện, thị xã (đáp ứng tiêu chí Trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn)	Các quận, huyện, thị xã
28	Nghiên cứu, lập hồ sơ đề xuất đề nghị UNESCO ghi danh là di sản thế giới đối với một số di sản có giá trị tiêu biểu của Thủ đô như: Khu di tích	Các quận, huyện, thị xã

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	Cổ Loa; quần thể di tích và danh thắng Hương Sơn; di tích Cầu Long Biên và phố cổ; di tích Thành cổ Sơn Tây; Khu di tích làng cổ Đường Lâm; Thực hành Tín ngưỡng thờ Hai Bà Trưng; Thực hành tín ngưỡng thờ Thánh Tản Viên; Nghệ thuật múa rối nước của người Việt ở vùng đồng bằng sông Hồng; nghề khảm trai, ốc của người Việt cổ...	
29	Hệ thống quảng trường, tượng đài	Các quận, huyện, thị xã: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Hoài Đức, Đan Phượng, Sơn Tây...
30	Không gian bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống xứ Đoài	Thị xã Sơn Tây
31	Xây dựng không gian văn hóa hai bên sông Hồng	Các quận, huyện, thị xã: Hoàng Mai, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Đan Phượng, Phúc Thọ, Gia Lâm, Long Biên, Đông Anh, Mê Linh, Sơn Tây, Thanh Oai...
32	Xây dựng Trung tâm công nghiệp văn hóa, sáng tạo hai bên bờ sông Hồng và khu vực có lợi thế	Các quận, huyện, thị xã
33	Không gian văn hóa nghệ thuật và ẩm thực	Khu vực trung tâm thành phố và khu vực phát triển đô thị, khu du lịch
IV	Y tế	
1	Xây dựng cơ sở 2 của các bệnh viện tuyến trung ương tại khu vực ngoại thành	Các huyện, thị xã
2	Nâng cấp bệnh viện Ung bướu Hà Nội thành bệnh viện chuyên khoa ung bướu cấp vùng đồng bằng sông Hồng	Quận Hai Bà Trưng
3	Nâng cấp bệnh viện Tim Hà Nội thành bệnh viện chuyên khoa tim mạch cấp vùng đồng bằng sông Hồng	Quận Hoàn Kiếm
4	Nâng cấp bệnh viện Bạch Mai thành bệnh viện cấp quốc gia ngang tầm khu vực và quốc tế	Quận Hai Bà Trưng
5	Nâng cấp bệnh viện Trung ương Quân đội 108 thành bệnh viện cấp quốc gia ngang tầm khu vực và quốc tế	Quận Hai Bà Trưng

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
6	Đầu tư xây dựng các tổ hợp công trình y tế lớn	Các quận, huyện, thị xã: Phú Xuyên, Sơn Tây, Gia Lâm, Thạch Thất, Quốc Oai, Sóc Sơn
7	Xây dựng bệnh viện đa khoa Chương Mỹ (Khu vực phía Nam)	Huyện Chương Mỹ
8	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ (Khu mới)	Huyện Phúc Thọ
V	Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	
1	Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, trình diễn triển lãm công nghệ và các giải pháp đổi mới sáng tạo, khu thí điểm tích hợp các mô hình sản xuất thông minh trên địa bàn Thủ đô mang tầm quốc tế	Huyện Thạch Thất
2	Xây dựng một số viện nghiên cứu hàng đầu khu vực, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn Thủ đô	Các quận, huyện, thị xã
3	Xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm Hà Nội	Đông Anh
4	Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học	Bắc Từ Liêm
5	Xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Hà Nội	Huyện Thạch Thất
6	Xây dựng Trung tâm Thiết kế sáng tạo Hà Nội	Các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Phú Xuyên
7	Xây dựng tuyến cáp quang dọc đường vành đai 3 đoạn từ cầu Phù Đổng đến Pháp Vân	Các quận, huyện: Hoàng Mai, Long Biên, Gia Lâm, Thanh Trì
8	Phát triển các dự án năng lượng sạch, tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính	Các quận, huyện, thị xã
9	Xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở	Các quận, huyện, thị xã
10	Xây dựng trung tâm dữ liệu điện toán đám mây của quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số	Quận Long Biên
11	Khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội	Quận Long Biên
12	Khu công nghệ thông tin tập trung Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	Quận Long Biên

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
VI	Giáo dục và Đào tạo	
1	Trường phổ thông có nhiều cấp học	Các quận/huyện/thị xã: Hà Đông; Đông Anh; Gia Lâm; Sóc Sơn; Thạch Thất; Thanh Trì; Đan Phượng; Chương Mỹ; Hoài Đức; Sơn Tây; Phúc Thọ; Mê Linh; Tây Hồ; Phú Xuyên; Thường Tín
2	Trường trung học phổ thông	Các quận/huyện/thị xã: Cầu Giấy; Hà Đông; Hoàng Mai; Tây Hồ; Bắc Từ Liêm; Nam Từ Liêm; Hai Bà Trưng; Sơn Tây; Chương Mỹ; Đan Phượng; Phúc Thọ; Hoài Đức; Quốc Oai; Mê Linh; Thạch Thất; Gia Lâm; Đông Anh; Thanh Oai; Thanh Trì; Sóc Sơn; Mỹ Đức; Thường Tín
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ di dời một số trường đại học ra khỏi khu vực nội thành	Khu vực: Hòa Lạc, Xuân Mai, Sơn Tây và các đô thị vệ tinh
4	Trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Nam Từ Liêm
5	Trường thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao	Huyện Đông Anh
6	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	Huyện Chương Mỹ
7	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	Huyện Đông Anh
8	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - Nghiệp vụ du lịch và thời trang Hà Nội thành trường cao đẳng	Thị xã Sơn Tây
9	Nâng cấp Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội thành trường cao đẳng	Quận Bắc Từ Liêm
10	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Các quận, huyện, thị xã
VII	Dịch vụ - Thương mại	
1	Đầu tư xây dựng các chợ đầu mối; trung tâm thương mại, trung tâm bán buôn cấp vùng	Các quận, huyện, thị xã
2	Các Trung tâm logistic	Các quận, huyện: Bắc Từ Liêm; Hoàng Mai; Sóc Sơn; Chương Mỹ; Thanh

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
		Oai; Đan Phượng; Phú Xuyên; Thường Tín; Ứng Hoà; Thanh Trì; Đông Anh; Hoài Đức;
3	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia	Khu vực phía Nam
VIII	Du lịch	
1	Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và hồ Đồng Mô	Thị xã Sơn Tây
2	Khu dịch vụ tổng hợp phục vụ đón tiếp khách của Đảng, Nhà nước	Ba Vì, Sơn Tây, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn
3	Khu du lịch Ba Vì	Huyện Ba Vì
4	Khu du lịch Di tích thắng cảnh Hương Sơn	Huyện Mỹ Đức
5	Khu du lịch khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm
6	Khu dịch vụ - du lịch tổng hợp: sinh thái, văn hóa, thể thao, sân golf, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí...	Các huyện, thị xã: Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Thạch Thất, Quốc Oai, Sơn Tây, Ba Vì, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Gia Lâm, Thanh Oai, Ứng Hoà, Đan Phượng, Chương Mỹ; các quận Hoàng Mai, Long Biên, Hoàn Kiếm, Bắc Từ Liêm
7	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Vân Trì	Huyện Đông Anh
8	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp khu vực hồ Văn Sơn	Huyện Chương Mỹ
9	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp khu vực hồ Đồng Suong	Huyện Chương Mỹ
10	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Lai Cách	Huyện Sóc Sơn
11	Khu du lịch sinh thái hồ Quan Sơn - Tuy Lai	Huyện Mỹ Đức
12	Khu du lịch hồ Suối Hai	Huyện Ba Vì
13	Bảo tồn và phát huy giá trị của hồ Tây và vùng phụ cận	Quận Tây Hồ
IX	Nông nghiệp, nông thôn	
1	Đầu tư xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các huyện, thị xã: Đông Anh, Ba Vì, Thanh Oai, Sơn Tây
2	Đầu tư xây dựng các khu khảo nghiệm, lưu giữ,	Các quận, huyện, thị xã:

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	phát triển, bảo quản các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển giống của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Bắc Từ Liêm, Hoài Đức, Mê Linh, Đan Phượng, Gia Lâm, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Phúc Thọ, Thường Tín, Ba Vì, Sơn Tây
3	Dự án phát triển nông nghiệp đô thị; nông nghiệp trải nghiệm; bảo tồn, phát triển các nông sản đặc trưng của Hà Nội	Các quận, huyện, thị xã: Tây Hồ, Bắc Từ Liêm, Long Biên, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng, Mê Linh, Sơn Tây...
4	Dự án phát triển không gian văn hóa làng nghề	Các quận, huyện, thị xã: Hà Đông, Phú Xuyên, Thường Tín, Gia Lâm, Thạch Thất, Phúc Thọ, Sơn Tây
5	Dự án trồng cây dược liệu lâu năm kết hợp với trung tâm dưỡng lão sinh thái	Các huyện, thị xã: Thạch Thất, Ba Vì, Mỹ Đức, Sóc Sơn, Sơn Tây
6	Dự án ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản thích nghi với biến đổi khí hậu và các yếu tố về môi trường nước	Các huyện: Ứng Hòa, Phú Xuyên, Ba Vì, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Phúc Thọ, Thường Tín
7	Khu khảo nghiệm, lưu giữ, phát triển giống vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch trải nghiệm tại Trạm Thực nghiệm chăn nuôi thủy sản	Huyện Thanh Oai
8	Khu khảo nghiệm, lưu giữ, phát triển các giống cây trồng ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch trải nghiệm; bảo quản sau thu hoạch tại Trạm Thực nghiệm cây trồng	Huyện Thường Tín
X	Đô thị	
1	Xây dựng mô hình đô thị thông minh trên cơ sở phát triển khu vực hai bên trục Nhật Tân - Nội Bài	Huyện Đông Anh
2	Bảo tồn, cải tạo khu phố cổ, khu phố có kiến trúc kiểu Pháp thành trung tâm dịch vụ du lịch và phát triển kinh tế ban đêm	Các Quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng
3	Xây dựng mô hình quận xanh, sinh thái	Khu vực thành phố phía Bắc; khu vực nội đô
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng để phát triển thành phố phía Bắc Thủ đô	Các huyện: Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng để phát triển thành phố	Các huyện: Thạch Thất,

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	phía Tây Thủ đô	Quốc Oai, Chương Mỹ
6	Phát triển hệ thống các thị trấn huyện lỵ theo mô hình đô thị sinh thái, dịch vụ chất lượng cao	Các huyện
7	Phát triển các dự án đô thị theo mô hình TOD gắn với các dự án giao thông công cộng	Địa bàn thành phố
8	Đề án phát triển khu vực hai bên sông Hồng, khai thác trục sông Hồng là trung tâm phát triển của Thủ đô	Địa bàn thành phố
9	Đề án phát triển khu vực hai bên sông Đuống	Địa bàn thành phố
10	Phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch, công viên vui chơi giải trí gắn với cải tạo môi trường các tuyến sông Tô Lịch, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Ngũ Huyện Khê, sông Cà Lồ	Địa bàn thành phố
11	Phát triển các dự án cải tạo, tái thiết chung cư cũ; chuyển đổi, di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội	Các quận nội thành
12	Phát triển các dự án phát triển đô thị phía Tây Nam (gắn với phát triển trục vành đai 4)	Các quận, huyện: Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Trì, Thường Tín, Thanh Oai
XI	An sinh xã hội	
1	Xây dựng trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 3 Hà Nội	Khu vực phía Bắc thành phố
2	Xây dựng trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng người tâm thần số 4 Hà Nội	Khu vực phía Nam thành phố
3	Xây dựng một số trung tâm chăm sóc người cao tuổi theo tiêu chuẩn các nước phát triển trên thế giới	Các huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Phúc Thọ, Ba Vì, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Thạch Thất, Sơn Tây
4	Một số cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật	Các quận, huyện, thị xã
5	Dự án phát triển nhà ở xã hội	Các quận, huyện, thị xã
6	Dự án phát triển nhà ở công nhân khu công nghiệp	Các huyện, thị xã
XII	Điện lực	
	Các trạm biến áp và đường dây 500 kV	
1	Cải tạo trạm biến áp 500 KV Tây Hà Nội, công	Huyện Quốc Oai

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
	suất 2x900MVA	
2	Xây mới các trạm biến áp 500kV	Các huyện, thị xã: Sơn Tây, Đan Phượng, Ứng Hòa
3	Xây mới đường dây 500kV	Các quận, huyện: Quốc Oai, Thường Tín, Đan Phượng, Sơn Tây, Long Biên
	Các trạm biến áp và đường dây 220 kV	
4	Các dự án đầu tư cải tạo trạm biến áp 3x250MVA	Các quận, huyện: Thường Tín, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn, Long Biên
5	Các dự án đầu tư xây mới trạm biến áp 3x250MVA và 2x250MVA	Các quận, huyện: Thanh Xuân, Nam Từ Liêm, Thạch Thất, Mê Linh, Thanh Trì, Gia Lâm, Sóc Sơn, Phú Xuyên, Đan Phượng, Chương Mỹ, Cầu Giấy, Hai Bà Trưng, Ứng Hòa
XIII	Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Các quận, huyện, thị xã
2	Dự án đầu tư trang thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Các quận, huyện, thị xã
3	Nghiên cứu, nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy 114 của Công an thành phố	Các quận, huyện, thị xã
4	Dự án số hóa trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.	Các quận, huyện, thị xã
XIV	Phòng chống thiên tai và phát triển hệ thống đê điều	
1	Dự án cải tạo, nạo vét lòng dẫn sông Đáy, sông Tích, sông Bùi	Các quận, huyện, thị xã
2	Dự án xây dựng trạm bơm bổ cấp nước sông Đà vào sông Tích và bổ cấp nước sông Hồng vào sông Đáy	Các huyện: Ba Vì, Phúc Thọ
3	Dự án chuyển nước từ sông Tích vào sông Đáy	Thị xã Sơn Tây, huyện Phúc Thọ
4	Dự án cải tạo cụm công trình đầu mối sông Đáy và đập Vân Cốc	Huyện Phúc Thọ
5	Dự án cải tạo, nâng cấp các trạm bơm lấy nước từ sông Đà, sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống	Các quận, huyện, thị xã
6	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Đà	Huyện Ba Vì

STT	Danh mục	Dự kiến địa điểm
7	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Hồng	Các quận, huyện, thị xã: Sơn Tây, Phúc Thọ, Bắc Từ Liêm, Hoàng Mai
8	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Tả Hồng	Các quận, huyện: Long Biên, Gia Lâm
9	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Tả Đuống	Các huyện: Đông Anh, Gia Lâm
10	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Tả Đáy	Các huyện: Thanh Oai, Ứng Hòa
11	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê La Thạch	Huyện Đan Phượng
12	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Ngọc Tảo	Huyện Phúc Thọ
13	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Cà Lồ	Huyện Đông Anh
14	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Đáy	Các huyện: Chương Mỹ, Mỹ Đức
15	Nâng cấp đồng bộ tuyến đê Hữu Bùi	Huyện Chương Mỹ
16	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Hồng kết hợp đường giao thông, tạo cảnh quan, phát triển du lịch, dịch vụ	Các quận, huyện: Bắc Từ Liêm, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm
17	Xây dựng 02 đề án quản lý, cải tạo, chỉnh trang sông Hồng, sông Đáy	Các quận, huyện, thị xã
18	Xác định không gian thoát lũ sông Tích, Mỹ Hà, Cà Lồ	Các huyện: Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Sóc Sơn, Đông Anh
XV	Tài nguyên khoáng sản	
1	Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với các điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội (18 mỏ)	Các huyện: Ba Vì, Sơn Tây, Phúc Thọ, Đan Phượng, Mê Linh, Đông Anh, Thường Tín, Phú Xuyên
2	Lập Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng các khu vực, điểm mỏ đất san lấp phục vụ các công trình cấp bách của thành phố giai đoạn 2024 - 2030	Khu vực ngoại thành
3	Lập các đề án khoanh định các khu vực cấm, tạm cấm khai thác trên địa bàn thành phố Hà Nội	Quận/huyện/thị xã

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và

chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục trên, căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.



Phụ lục XXVIII
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
THỦ ĐÔ HÀ NỘI, THỜI KỲ 2023 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ, sơ đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thành phố Hà Nội	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng thành phố Hà Nội	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội thành phố Hà Nội	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật thành phố Hà Nội	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Hà Nội	1:50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên thành phố Hà Nội	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Hà Nội	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện thành phố Hà Nội	1:50.000